

2 TIẾT THÁNH GIÓNG

I. TÌM HIỂU CHUNG

a) Đọc, tìm hiểu chú thích và tóm tắt

b. Tìm hiểu chung

- Nhân vật chính: Thánh Gióng.
- Ngôi kể: Ngôi thứ ba
- Phương thức biểu đạt: Tự sự

Bố cục: 4 phần

P1: từ đầu... nằm đây => Sự ra đời của Gióng

P2: Tiếp... cứu nước => Sự trưởng thành của Gióng

P3: Tiếp... lên trời => Gióng đánh tan giặc và bay về trời

P4: Còn lại => Những vết tích còn lại của Gióng.

a. Sự ra đời của Thánh Gióng

- Bà mẹ ướm chân - thụ thai 12 tháng mới sinh;
- Sinh cậu bé lên 3 không nói, cười, đi;

=> Khác thường, kì lạ, hoang đường => Nhằm hình tượng hoá người anh hùng dân tộc

b. Thánh Gióng lớn lên và ra trận đánh giặc

- Câu nói đầu tiên: “ mẹ ra mời sứ giả vào đây cho con...”, “Ông về tâu với vua ...ta sẽ đánh tan lũ giặc này”

=> Tiếng nói đầu tiên của Thánh Gióng là tiếng nói đòi đánh giặc => Chi tiết thần kì có nhiều ý nghĩa:

+ Ca ngợi ý thức đánh giặc cứu nước: Lời nói ban đầu là lời quan trọng, lời yêu nước, ý thức đối với đất nước được đặt lên trên hết.

+ Gióng là hình ảnh của nhân dân, lúc bình thường thì âm thầm lặng lẽ nhưng khi gặp cơn nguy biến thì đứng ra cứu nước.

3. Gióng đánh tan giặc và bay về trời

	Gióng đánh thắng giặc và bay về trời
Chi tiết kì lạ	- Gióng vươn vai thành tráng sĩ - Mặc áo giáp, cầm roi, nhảy lên mình ngựa. Ngựa phun ra lửa. - Đánh hết lớp này đến lớp khác. - Roi sắt gãy nhổ tre đánh giặc. - Giặc tan, Gióng cười ngựa bay về trời.
“chú bé” “tráng sĩ”	Thể hiện quan niệm của nhân dân ta về mong ước có một người anh hùng đủ sức mạnh để đáp ứng nhiệm vụ dân tộc đặt ra trong hoàn cảnh cấp thiết. Sự lớn lên của Gióng đã đáp ứng được yêu cầu và

	nhiệm vụ cứu nước. Khi lịch sử đặt ra vấn đề sống còn cấp bách, khi tình thế đòi hỏi dân tộc vươn lên một tầm vóc phi thường thì dân tộc ta vụt lớn dậy như Thánh Gióng, tự mình thay đổi tư thế tầm vóc của mình.
Ý nghĩa	- Roi sắt gãy, nhổ tre đánh giặc: + Sự sáng tạo, nhanh trí của Gióng. + Quyết tâm giết giặc đến cùng. - Giặc tan Gióng bay về trời: + Nhân dân yêu mến, trân trọng muốn giữ mãi hình ảnh của người anh hùng. + Gióng là biểu tượng của người dân Văn Lang.

4. Những vết tích còn lại của Gióng

- Dấu tích còn để lại sau khi Gióng đánh giặc:
 - + Tre đằng ngà vì ngựa phun bị cháy ngả màu vàng
 - + Vết chân ngựa thành những hồ ao liên tiếp
 - + Khi ngựa hét lửa, lửa cháy một làng
- => Làng Cháy

- Thể hiện sự trân trọng, biết ơn, niềm tự hào và ước muốn về một người anh hùng cứu nước giúp dân. Đồng thời cũng giải thích được các sự kiện, địa điểm lịch sử (đền thờ Phù Đổng Thiên Vương, làng Cháy).
- Gióng là hình tượng người anh hùng đầu tiên, tiêu biểu cho lòng yêu nước, cho ý thức đánh giặc cứu nước của nhân dân ta.

III. Tổng kết

1. Nội dung:

- Truyện kể về công lao đánh đuổi giặc ngoại xâm của người anh hùng Thánh Gióng, qua đó thể hiện ý thức tự cường của dân tộc ta.

2. Nghệ thuật

- Chi tiết tượng tượng kì ảo.
- Khéo kết hợp huyền thoại và thực tế (cốt lõi sự thực lịch sử với những yếu tố hoang đường).

3. Ý nghĩa:

- Truyện ca ngợi người anh hùng đánh giặc tiêu biểu cho sự trỗi dậy của truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết, anh dũng kiên cường của dân tộc ta.

1 TIẾT:

SỰ TÍCH HỒ GƯƠM

I. TÌM HIỂU CHUNG

1. Thể loại

- Truyện truyền thuyết địa danh
- Ngôi kể: ngôi thứ ba (Người kể giấu mình, gọi tên nhân vật).
- Phương thức biểu đạt: Tự sự.

2. Bố cục: 2 phần

- P1: Từ đầu đến đất nước: Long Quân cho nghĩa quân mượn gươm thần.
- P2: Còn lại: Long Quân đòi lại gươm thần.

II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Long Quân cho mượn gươm

a/ Bối cảnh cho mượn gươm

- Thời gian: Thế kỉ XV, đất nước ta bị giặc Minh đô hộ
- Nhân dân khổ cực lầm than
- Nghĩa quân Lam Sơn còn yếu nên nhiều lần bị thua

b/ Cách cho mượn gươm

- Lê Thận 3 lần đều kéo lưới được 1 lưỡi gươm (Dưới nước)
- Lê Lợi chạy giặc bắt được chuôi gươm (Trên rừng)
- => Nhận gươm không dễ dàng, có thử thách. Kết hợp miền ngược với miền xuôi mới tạo ra sức mạnh. Gươm có chữ “Thuận thiên” Cuộc khởi nghĩa chính nghĩa; hợp ý trời, lòng dân; được thần linh ủng hộ.

c/ Gươm thần tỏa sáng

- Nghĩa quân trước khi có gươm: Non yếu. Hoạt động lén lút, trốn tránh. Ăn uống khổ sở => Bị động và yếu thế
- Nghĩa quân sau khi có gươm: Nhuệ khí tăng tiến. Xông xáo tìm địch chiếm được các kho lương => Chủ động và lớn mạnh
- => Ca ngợi sức mạnh vô địch của tinh thần yêu nước; ý chí chiến đấu của nghĩa quân, của khối đại đoàn kết toàn dân.

2. Long Quân đòi lại gươm

a/ Bối cảnh trả gươm

- Chiến tranh kết thúc, đất nước hoà bình. Lê Lợi lên làm vua, dời đô về Thăng Long

b/ Quá trình trả gươm

- Rùa Vàng đến xin lại gươm thần. Nhà vua không hề đắn đo mà sẵn sàng trao trả gươm
- => Thể hiện ước vọng hòa bình của dân tộc ta. => Lời nhắc nhở, cảnh báo đối với những kẻ thù còn đang lăm le xâm lược nước ta
- => Hình ảnh của rùa vàng: Truyền thuyết An Dương Vương => Hình ảnh rùa vàng là sử giả của Long Quân, tượng trưng cho tổ tiên, khí thiêng sông núi, tư tưởng, tình cảm, trí tuệ của nhân dân.)

c/ Kết thúc truyện

- Ánh sáng le lói phản lại trên mặt hồ. Cảnh đẹp, kì ảo và thiêng liêng
- => Ánh hào quang, niềm tự hào về chiến công oanh liệt trong sự nghiệp đánh giặc cứu nước.
- Hồ Tả Vọng đổi tên thành hồ Hoàn Kiếm.
- => Ý nghĩa tượng trưng cho hồn thiêng của sông núi, tổ tiên, sức mạnh của chính nghĩa, của nhân dân.

* Ý nghĩa nhan đề

- Nhan đề “Sự tích Hồ Gươm” gắn với việc trả gươm của Lê Lợi

- Giải thích về sự tích đôi tên Tả Vọng thành hồ Gươm rất sâu sắc, thể hiện sự tự hào truyền thống, lịch sử dân tộc

3. Chi tiết thực và kì ảo: Gươm thần, Rùa Vàng, Long Quân.

=> Thể hiện đặc điểm đặc trưng của truyện truyền thuyết là truyện thường có các chi tiết kì ảo, hoang đường.

4. Sự thật lịch sử: Nhân vật lịch sử hoặc sự kiện lịch sử được đề cập đến: Lê Lợi, cuộc kháng chiến chống quân Minh, Hồ Gươm...

=> Thể hiện tình cảm thái độ của nhân dân đối với nhân vật, sự kiện được đề cập tới.

III. Tổng kết

1. Nghệ thuật

- Xây dựng chi tiết kì ảo, tăng sức hấp dẫn cho truyện.
- Cách kể chuyện hấp dẫn sinh động.

2. Nội dung

- Truyện giải thích nguồn gốc tên gọi Hồ Hoàn Kiếm.
- Ca ngợi cuộc kháng chiến chính nghĩa chống giặc Minh do Lê Lợi lãnh đạo đã chiến thắng vẻ vang.

3. Ý nghĩa:

- Truyện khẳng định ý nguyện đoàn kết, khát vọng hòa bình của dân tộc ta.

1 TIẾT HỘI THẢO CƠM THI Ở ĐỒNG VÂN
--

II. TÌM HIỂU CHI TIẾT

1. Giới thiệu về hội thổi cơm thi ở Đồng Vân

- Nguồn gốc: được bắt nguồn từ các cuộc truy quân đánh giặc của người Việt cổ bên dòng sông Đáy xưa.
- Mục đích: góp phần giữ gìn và phát huy những nét đẹp cổ truyền trong sinh hoạt văn hóa hiện đại hôm nay.

2. Những nét tiêu biểu về hội thổi cơm thi ở Đồng Vân

- Hội thi: có ý nghĩa văn hóa, giải trí, rèn luyện sức khỏe cho con người.
 - Vẻ đẹp của con người VN: khỏe mạnh, khéo léo, sáng tạo; đoàn kết, phối hợp trong nhóm; ứng biến nhanh, ý thức cộng đồng.

3. Hội thổi cơm thi ở làng Đồng Vân mang giá trị văn hóa lịch sử.

- Giúp hiểu thêm về lịch sử, về những lễ hội của cha ông ta lưu truyền qua nhiều thế hệ, nhằm tôn vinh những nét đẹp của văn hóa dân tộc, của nghề trồng lúa nước.
 - Hai văn bản Thánh Gióng và Sự tích Hồ Gươm cho thấy nhân dân ta luôn đoàn kết đấu tranh, quyết tâm chiến đấu và chiến thắng kẻ thù xâm lược. Điều đó đã trở thành truyền thống yêu nước quý báu của nhân dân ta từ xưa đến nay.

III. Tổng kết

1. Nghệ thuật

- Văn thuyết minh, ngôn ngữ chính xác, cô đọng, chặt chẽ và sinh động..

2. Nội dung

Tường thuật diễn biến của hội thổi cơm thi ở Đồng Vân đồng thời ca ngợi vẻ đẹp con người Việt Nam, nhằm tôn vinh những nét đẹp truyền thống của văn hóa dân tộc.

MÔN LỊCH SỬ & ĐỊA LÝ 6
Thời gian: Tuần 2 (12/9/2021 – 18/9/2021)

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
Phần lịch sử

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp	Bài 1: LỊCH SỬ LÀ GÌ Tiết 3: Luyện tập và vận dụng (Học sinh không bắt buộc ghi bài vào tập)
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	Dựa vào kiến thức đã học và tài liệu Sách giáo khoa Lịch sử và địa lí 6 để hoàn thành phần luyện tập và vận dụng trang 14 Câu 1: Vì sao phải học lịch sử? (Em phải nêu được 3 lí do phải học lịch sử) - Học sinh dựa vào hai câu thơ của chủ tịch Hồ Chí Minh và hình 1.2 trong SGK “Giỗ tổ Hùng Vương” em hãy nêu được hai lí do phải học lịch sử: “Dân ta phải biết sử ta Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam” - Qua câu danh ngôn: “Lịch sử là thầy dạy của cuộc sống” em hãy rút ra 1 lí do em cần phải học lịch sử mà không trùng với hai ý đã nêu ở trên Câu 2: Căn cứ vào đâu để biết và dựng lại lịch sử? Dựa vào nội dung bài ghi ở mục III khám phá lịch sử từ những nguồn sử liệu để trả lời (căn cứ vào 4 nguồn sử liệu) Câu 3: Dựa vào những hiểu biết của em về di tích lịch sử địa phương và vận dụng kiến thức đã học để kể lại sự kiện lịch sử gắn với di tích đó với những nội dung cơ bản như: + Di tích đó ở đâu? + Có từ khi nào? + Liên quan đến ai + Di tích đó có ý nghĩa như thế nào đối với hiện tại? Câu 4: Vận dụng kiến thức lịch sử đã học và kĩ năng viết văn để viết một văn giới thiệu về lịch sử ngôi trường THCS Châu Văn Liêm. Câu 5: Các em phải hiểu được tại sao trên cửa Bắc ở cổng thành lại có

	vết đạn pháo? Sau đó rút ra được: Các vết đạn trên cửa Bắc của thành Hà Nội là một phần của lịch sử, là một nguồn sử liệu quan trọng minh chứng cho một thời kì lịch sử dân tộc Việt Nam nên cần phải được giữ gìn nguyên hiện trạng.												
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	Câu 1. Chọn các từ kiện điền vào chỗ trống <table border="0"> <tr> <td>a. lịch sử</td><td>b. xuất hiện</td></tr> <tr> <td>c. biến đổi</td><td>d. tương lai</td></tr> <tr> <td>e. bài học kinh nghiệm</td><td>f. cội nguồn</td></tr> <tr> <td>g. thời gian</td><td>h. khoa học</td></tr> <tr> <td>i. hoạt động</td><td>j. loài người</td></tr> <tr> <td>k. quá khứ</td><td>l. đấu tranh</td></tr> </table> Mọi sự vật xung quanh chúng ta đều phát sinh, tồn tại và theo..... Xã hội cũng vậy. Quá trình đó chính là lịch sử. là những gì đã xảy ra trong....., bao gồm mọi hoạt động của con người từ khi đến nay. Môn Lịch sử là môn tìm hiểu về lịch sử loài người, bao gồm toàn bộ những của con người và xã hội loài người trong quá khứ. Học lịch sử để biết được của tổ tiên, quê hương, đất nước; hiểu được ông cha ta đã phải lao động, sáng tạo, như thế nào để có được đất nước ngày nay. Học lịch sử còn để đúc kết những của quá khứ nhằm phục vụ cho Câu 2: Học sinh dựa vào bút tích của người cha ghi lại trên bức hình con trai của ông, liệt sĩ Phạm Ngọc Hùng (1951-1971) dưới đây để thực hiện một số yêu cầu sau: + Dựa vào dòng thông tin nào trong bút tích để em biết việc này đã xảy ra trong quá khứ? + Em hãy đặt những câu hỏi lịch sử đi kèm với các từ: ai, khi nào, ở đâu... để tìm hiểu thông tin về bức ảnh. + Bức ảnh chụp và những dòng bút tích đi cùng có phải tư liệu gốc không? Vì sao?	a. lịch sử	b. xuất hiện	c. biến đổi	d. tương lai	e. bài học kinh nghiệm	f. cội nguồn	g. thời gian	h. khoa học	i. hoạt động	j. loài người	k. quá khứ	l. đấu tranh
a. lịch sử	b. xuất hiện												
c. biến đổi	d. tương lai												
e. bài học kinh nghiệm	f. cội nguồn												
g. thời gian	h. khoa học												
i. hoạt động	j. loài người												
k. quá khứ	l. đấu tranh												

Câu 3. Đây là những bút tích của người cha ghi lại trên bức hình con trai của ông, liệt sĩ Phạm Ngọc Hùng (1951 – 1971).

"Sáng nay, (16 – 2 – 1970). Con vừa được phát bộ quần áo mới quân Giải phóng này. Bố chụp cho con một kiểu để kỉ niệm ngày chính thức con được trở thành chủ giải phóng quân bố nhé, và mai đây về Hà Nội, bố in phóng ra tặng lại cho mẹ con".

Nhắc lại lời Hùng khi bố chụp ảnh này lúc 10 giờ 30 phút ngày 16 – 2 – 1970, tại Nho Quan, Ninh Bình, nơi xuất phát đi B⁽¹⁾. Đi B sáng sớm 17 – 2 – 1970".

⁽¹⁾ Đi B: vào chiến trường miền Nam chiến đấu trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 – 1975).



Câu . Nối dữ liệu hai cột bên dưới để miêu tả được đặc điểm các nguồn sử liệu.

1. Tư liệu gốc	A. Những dấu tích vật chất của người xưa còn giữ được trong lòng đất hay trên mặt đất như các công trình kiến trúc, các tác phẩm nghệ thuật, đồ gốm,...
2. Tư liệu truyền miệng	B. Bao gồm các bản chữ khắc trên xương, mai rùa, vỏ cây, đá, các bản chép tay hay in trên giấy,... ghi chép tương đối đầy đủ mọi mặt đời sống con người và các sự kiện lịch sử đã xảy ra.
3. Tư liệu chữ viết	C. Gồm nhiều thể loại như truyền thuyết, thần thoại, ca dao, dân ca,... được truyền từ đời này qua đời khác.
4. Tư liệu hiện vật	D. Tư liệu liên quan trực tiếp đến sự kiện lịch sử, ra đời vào thời điểm diễn ra sự kiện, phản ánh sự kiện lịch sử đó.

- **Câu 4:** Tục ngữ Việt Nam có câu “Tam sao thất bản”, theo em loại tư liệu nào có thể mắc hạn chế đó? Kể tên và giải thích?
- **Câu 5:** Đọc văn bản bên dưới và cho biết:
 - + Bí ẩn nào về vị vua này mà lịch sử cần làm sáng tỏ?
 - + Tư liệu chữ viết cung cấp những thông tin gì?
 - + Kể tên những tư liệu có trong câu chuyện. Đó có phải là tư liệu gốc không? vì sao?

Lăng mộ vua Ai Cập Tu-tan-kha-mun (1341 TCN – 1323 TCN) được phát hiện năm 1922. Khi mở quan tài ra, xác ướp vẫn còn nguyên vẹn.

Theo các văn bản của Ai Cập cổ đại, Tu-tan-kha-mun chết vào năm 19 tuổi, sau khi trị vì 9 năm. Tại sao ông vua này lại chết khi còn rất trẻ, liệu có phải ông ấy bị giết chết không?

Khám nghiệm xác ướp lần đầu tiên vào năm 1924, các nhà khảo cổ học phát hiện Tu-tan-kha-mun cao 1,68 m, cơ thể gầy gò, hàm trái có một vết cắt, xương sống bị cong nên dáng đi của ông có thể hơi gù.

Năm 1968, kết quả chụp X-quang cho thấy: Xác ướp có một vết thương ở má trái, hơi bị hở hàm ếch và có vài mảnh xương trong khoang não. Nghi vấn đặt ra: Liệu có ai đó đã dùng vật nặng đánh mạnh vào đầu, giết chết vị vua này?

Nửa thế kỉ trôi qua, vào năm 2005, máy chụp cắt lớp CT Scan của y khoa hiện đại chụp ra 1700 hình ảnh từ xác ướp, giúp phục dựng lại khá chính xác khuôn mặt vua Tu-tan-kha-mun, phát hiện thêm bàn chân bên trái bị gãy rất nặng và bị nhiễm trùng trước khi chết.

Năm 2010, dựa trên kết quả giám định DNA từ xương, răng của xác ướp, các nhà khoa học đã đi đến kết luận: Cha mẹ của vua Tu-tan-kha-mun là anh em cùng huyết thống, đó là nguyên nhân gây ra lỗi gen – hở hàm ếch, chân vòng kiềng, gây nhiễm trùng xương ở bàn chân trái. Ông vua này còn bị bệnh sốt rét. Đó là những nguyên nhân dẫn đến cái chết của Tu-tan-kha-mun.



Mặt nạ vua Tu-tan-kha-mun

2. Giáo viên hướng dẫn học sinh ghi bài: Phần luyện tập và vận dụng học sinh không bắt buộc ghi chép bài vào tập

HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC PHÂN MÔN LỊCH SỬ

TIẾT 4

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp	
	TIẾT 4, Bài 2: THỜI GIAN TRONG LỊCH SỬ
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	- HS đọc bài mục I. SGK Lịch sử và địa lí 6 trang 15, bộ Chân trời sáng tạo để trả lời một số câu hỏi: + Người xưa làm ra lịch dựa trên những cơ sở nào? + Câu đồng dao “...Mười rằm trăng nâu Mười sáu trăng treo....” Thể hiện cách tính của người xưa theo âm lịch hay dương lịch? - Học sinh đọc mục II SGK trang 16 để:

	+ Nêu được một số khái niệm về thời gian trong lịch sử như thập kỉ, thế kỉ, thiên niên kỉ, trước Công nguyên, âm lịch, dương lịch. + Hiểu cách tính thời gian theo quy ước chung của thế giới
Hoạt động 2:Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	 Chân trời sáng tạo LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG Luyện tập 1. Dựa vào sơ đồ 2.4, em hãy xác định từ thời điểm xảy ra các sự kiện ghi trên sơ đồ để hiện tại là bao nhiêu năm, bao nhiêu thập kỉ, bao nhiêu thế kỉ. Vận dụng 2. Hãy cho biết những ngày lễ quan trọng của nước Việt Nam: Giỗ Tổ Hùng Vương, Tết Nguyên đán, Ngày Quốc khánh, Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước được tính theo loại lịch nào? 3. Quan sát hình 2.3, theo em vì sao trên tờ lịch của chúng ta có ghi thêm ngày, tháng, năm âm lịch? Có nên chỉ ghi một loại lịch là dương lịch không? 4. Hãy xây dựng trục thời gian những sự kiện quan trọng của cá nhân em. Ví dụ: Năm sinh, năm vào mẫu giáo, năm vào lớp 1, năm vào lớp 6,... (lưu ý: em có thể bắt đầu trục thời gian với năm sinh của em). - Em hãy tự xác định ngày tháng năm âm lịch và dương lịch có trong một tờ lịch bất kì

1. Giáo viên hướng dẫn học sinh ghi bài và các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

TIẾT 4, Bài 2: THỜI GIAN TRONG LỊCH SỬ

1. ÂM LỊCH VÀ DƯƠNG LỊCH:

- Âm lịch: là cách tính dựa theo chu kì thời gian Mặt Trăng quay xung quanh Trái Đất.
- Dương lịch: là cách tính thời gian theo chu kì Trái Đất quay xung quanh Mặt Trời.

2. CÁCH TÍNH THỜI GIAN?

- Thế giới cần thống nhất chung một loại lịch (dương lịch) hay còn gọi là công lịch.
- Công lịch lấy năm chúa Giê-su ra đời làm năm đầu tiên, những năm trước đó là trước công nguyên (TCN)
- 1 thập kỉ là 10 năm; 1 thế kỉ là 100 năm; 1 thiên niên kỉ là 1000 năm



2.4 Sơ đồ cách tính thời gian theo Công lịch.

Năm 111TCN cách năm 544: $111 + 544 = 655$ năm

Năm 111TCN cách năm 179TCN: $179 - 111 = 68$ năm

Năm 544 cách năm 938: $938 - 544 = 394$ năm

Hướng dẫn học sinh ghi thắc mắc của mình:

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
LỊCH SỬ	Bài 1: Lịch sử là gì?	1..... 2..... 3.....
	Bài 2: Cách tính thời gian trong lịch sử	1..... 2..... 3.....

GỢI Ý HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC PHẦN ĐỊA LÍ

1. Giáo viên biên soạn Tài liệu học tập và Phiếu hướng dẫn học sinh tự học

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp	BÀI 1: HỆ THỐNG KINH, VĨ TUYẾN VÀ TỌA ĐỘ ĐỊA LÍ (TIẾT 1)

Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	HS đọc SGK Lịch sử và địa lí 6 bộ Chân trời sáng tạo. - Xác định được trên quả địa cầu: kinh tuyến gốc, xích đạo, các bán cầu. - Nhận biết được một số lưới kinh vĩ tuyến của bản đồ thế giới. - Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Nhận thức được ý nghĩa của hệ thống kinh, vĩ tuyến. - Năng lực tìm hiểu địa lí: + Khai thác kênh hình và kênh chữ trong SGK từ tr118-121. + Sử dụng quả Địa cầu, hình 1.1 SGK tr118 để xác định kinh tuyến gốc, Xích đạo, các bán cầu.. + Quan sát hình 1.3 SGK tr120 để nhận biết một số lưới kinh vĩ tuyến của bản đồ thế giới.
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	- Ngày xưa, trong những cuộc hành trình, các tàu biển thường xuyên bị mất phương hướng. Đặc biệt khi gặp một cơn bão nó có thể đưa tàu đi xa hơn nơi nó muốn đến. Để khắc phục điều này, người xưa phải làm gì? - Nêu khái niệm và xác định trên quả Địa cầu kinh tuyến, kinh tuyến gốc, kinh tuyến Đông, kinh tuyến Tây. - Nửa cầu Đông và Tây được xác định như thế nào? - Nêu khái niệm và nêu xác định trên quả Địa cầu vĩ tuyến, vĩ tuyến gốc, vĩ tuyến Bắc, vĩ tuyến Nam. - Nửa cầu Bắc và Nam được xác định như thế nào? - Nêu ý nghĩa của hệ thống kinh vĩ tuyến.

2. Giáo viên hướng dẫn học sinh ghi bài và các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

BÀI 1: HỆ THỐNG KINH, VĨ TUYẾN VÀ TỌA ĐỘ ĐỊA LÍ (TIẾT 1)

Lưu ý: HS ghi nội dung bài học vào vở và điền vào chỗ chấm (...)

I. Hệ thống kinh, vĩ tuyến

- Kinh tuyến: là các đường nối liền cực Bắc với cựctrên bề mặt quả Địa Cầu.
- Vĩ tuyến: là các vòng tròn bao quanh quả Địa Cầu, song song với đường Xích đạo.
- Kinh tuyến gốc: kinh tuyến số 0^0 đi qua đài thiên văn Grin- uýt ở ngoại ô thành phố Luân Đôn (nước Anh).

- Vĩ tuyến gốc: vĩ tuyến số (Xích đạo)
- Dựa vào kinh tuyến gốc (kinh tuyến 0°) và kinh tuyến 180° đối diện để nhận biết kinh tuyến đông, kinh tuyến tây. Dựa vào vĩ tuyến gốc (Xích đạo) để biết vĩ tuyến bắc, vĩ tuyến nam.

MÔN GD&ĐT TIẾP TỤC HỌC BÀI 1

TỰ HÀO VỀ TRUYỀN THỐNG GIA ĐÌNH DÒNG HỌ (3 TIẾT)

BÀI HỌC ÂM NHẠC KHỐI 6 –TUẦN 2

CHỦ ĐỀ 1: VUI BƯỚC ĐẾN TRƯỜNG

TIẾT 2: - Ôn bài hát: Mùa khai trường

- TẬP ĐỌC NHẠC SỐ 1

I. Ôn bài hát: “Mùa khai trường”

Học sinh tập hát cho thuần thục bài hát và kết hợp tiết tấu theo động tác cơ thể

The image shows a musical score for the song "Mùa khai trường" (School Opening Season). It includes a drum and stick icon, a 2/4 time signature, and a key signature of one sharp (F#). The melody is written on a staff with notes and rests. Below the staff, there are rhythmic icons: two blue hand icons, two red hand icons, and two red foot icons. The lyrics are: "Mùa thu sang là mùa khai trường. từng bước..."

II. Tập đọc nhạc số 1

Bài đọc nhạc số 1

Moderato (vừa phải)

The image shows a musical score for "Bài đọc nhạc số 1" (Music Reading Exercise 1). It is written in 2/4 time and has a key signature of one sharp (F#). The tempo is marked "Moderato (vừa phải)". The score consists of two staves of music, each with a treble clef and a key signature of one sharp. The melody is written on a staff with notes and rests.

Luyện đọc tên nốt trong bài TĐN số 1 cho thuần thục

Tìm hiểu bài TĐN số 1:

- Có sử dụng hình nốt đen, hình nốt trắng, dấu lặng đen
- Cao độ các nốt gồm có: Đồ-Rê-Mi-Pha-Son-La
- Viết ở nhịp 2/4

MÔN MĨ THUẬT 6
PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
(Đối với học sinh không thể học tập trực tuyến)

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp	Khối 6: CHỦ ĐỀ 1: BIỂU CẢM CỦA MÀU SẮC Bài 1: Vẽ tranh theo giai điệu âm nhạc (tiết 2)
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	<u>QUY TRÌNH THỰC HIỆN</u> - Hoà theo âm thanh của bản nhạc, các em vận động vòng quanh bàn (đặt giấy vẽ), chúng ta lắng nghe và cảm nhận giai điệu tác động lên các giác quan và bắt đầu vẽ những nét màu lên giấy theo thứ tự màu sáng đến đậm, theo nhịp điệu, tiết tấu của âm nhạc - Vẽ theo động lệnh: màu nhạt- màu đậm- nét cong- nét thẳng- chấm màu. - Vẽ theo cảm xúc của nhạc, vẽ ngẫu hứng lên giấy ở bất cứ vị trí nào. - Hoạt động kết thúc khi nhạc kết thúc. <u>CHUẨN BỊ</u> <u>*Vật liệu:</u> - Giấy, bút màu các loại (tùy điều kiện thực tế). <u>*Âm nhạc:</u> - Học sinh nghe theo giai điệu âm nhạc mình yêu thích.

TẠO TRANH HOẶC TẠO SẢN PHẨM TRANG TRÍ

Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.





Lưu ý: Các em hoàn thành bài tập có thể tạo ra một sản phẩm trang trí hoặc một bức tranh mình yêu thích thông qua cảm nhận giai điệu âm nhạc nhé!

Tuần 2-PHIẾU HỌC TẬP-MÔN CÔNG NGHỆ -KHỐI 6

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp	BÀI 1: TIẾT 2 NHÀ Ở ĐỐI VỚI CON NGƯỜI (tt)
Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</i>	HS đọc SGK Công nghệ 6 bộ sách Chân trời sáng tạo. Đọc và tìm hiểu nội dung bài 1 mục 4,5 sgk (trang 11-14) trả lời các câu hỏi: 4. VẬT LIỆU XÂY DỰNG NHÀ

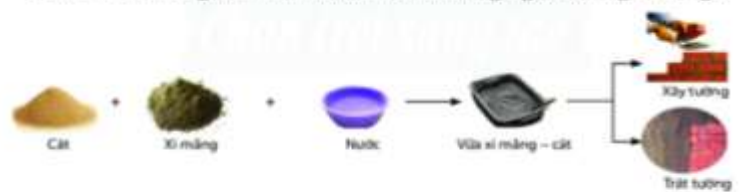
Em hãy quan sát Hình 1.6 và trả lời các câu hỏi dưới đây:
 Câu 1: Những vật liệu nào dùng để xây nền nhà, tường nhà?
 Câu 2: Vật liệu nào có thể dùng để xây và lợp mái nhà?
 Câu 3: Đất sét có thể dùng để xây phần nào của ngôi nhà?



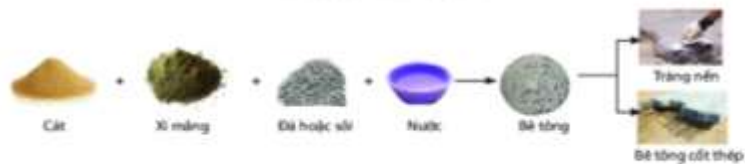
Hình 1.6. Một số loại vật liệu xây dựng

Em hãy quan sát Hình 1.8 và trả lời các câu hỏi dưới đây:
 Câu 4: Hỗn hợp vữa xi măng - cát được tạo thành bằng cách nào?
 Câu 5: Cho vữa xi măng - cát vào giữa các viên gạch nhằm mục đích gì?
 Câu 6: Bê tông được tạo ra như thế nào?

Để liên kết các viên gạch với nhau thành một khối tường, người ta dùng vật liệu gì?



Hình 1.7. Trộn vữa xi măng - cát



Hình 1.8. Trộn bê tông

Vật liệu xây dựng nhà gồm những vật liệu gì?

5. QUY TRÌNH XÂY DỰNG NHÀ Ở

Em hãy sắp xếp các bước dưới đây theo trình tự trước sau trong quy trình xây dựng nhà.

Thi công xây dựng ngôi nhà

Hoàn thiện ngôi nhà

Chuẩn bị xây dựng nhà

Theo em, các công việc trong Hình 1.9 thuộc bước nào trong quy trình xây dựng nhà?



Vẽ thiết kế



Xây tường



Chọn vật liệu



Lợp mái



Làm việc với kiến trúc sư



Quét vôi



Lắp đặt hệ thống điện, nước



Làm móng nhà

Hình 1.9. Các công việc xây dựng nhà

Quy trình xây dựng nhà ở gồm những bước nào?

Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.

Luyện tập

1. Em hãy quan sát các ngôi nhà dưới đây và cho biết ngôi nhà nào có kết cấu vững chắc nhất.



2. Em hãy cho biết những ngôi nhà trong hình dưới đây đang thực hiện ở bước nào của quy trình xây dựng nhà.



PHIẾU TRẢ LỜI CÂU HỎI LUYỆN TẬP BÀI 1: NHÀ Ở ĐỐI VỚI CON NGƯỜI (tt)

CÂU HỎI	CÂU TRẢ LỜI
CÂU 1	
CÂU 2	Hình a: Hình b: Hình c:

--	--

HS ghi nội dung bài học vào vở

Tuần 2- BÀI 1: TIẾT 2- NHÀ Ở ĐỐI VỚI CON NGƯỜI (tt)

4.VẬT LIỆU XÂY DỰNG NHÀ

- Vật liệu thường dùng để xây dựng nhà ở bao gồm : cát, đá, sỏi, gỗ, tre, đất sét, lá (tranh, dừa, cọ), gạch, ngói, vôi, xi măng, thép, nhôm, nhựa, kính,...

5. QUY TRÌNH XÂY DỰNG NHÀ Ở

- Quy trình xây dựng nhà ở gồm 3 bước chính:

Chuẩn bị xây dựng nhà → Thi công xây dựng ngôi nhà → Hoàn thiện ngôi nhà.

VẬN DỤNG: học sinh làm bài vào vở

Bài 1: Kể tên các vật liệu thường dùng trong xây dựng nhà?

a - Vật liệu có sẵn trong tự nhiên:

b - Vật liệu nhân tạo:

Bài 2: Quy trình xây dựng nhà ở gồm các bước chính kể tên ?

Bước 1:

Bước 2:

Bước 3:

Phần hướng dẫn học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Công nghệ		1. 2. 3. 4. 5.

NỘI DUNG BÀI HỌC TUẦN 2

GIÁO DỤC THỂ CHẤT KHỐI 6:

BÀI 1: CÁC ĐỘNG TÁC BỔ TRỢ KỸ THUẬT CHẠY CỤ LI NGẮN

- Luyện tập chạy bước nhỏ 10 giây x 3 lần
- Chạy nâng cao đùi 10 giây x 3 lần
- Chạy gót chạm mông 10 giây x 3 lần
- **Nhảy dây 3 phút x 3 lần**

TIẾNG ANH 6 FRIENDS PLUS

Tuần 2 (tiết 4,5,6)

Unit starter

(Lesson 3 : Vocabulary (p.8) Lesson 4 : Language focus (p.9) Lesson 5 : Vocabulary (p.10)

1. Vocabulary

1. Poster (n)

2. Drawer (n)

3. Mobile phone (n)

4. Clock (n)

5. Dictionary (n)

6. Coat (n)

7. laptop (n)

Do exercise: 1,2,3p.8 (student book)

2. Grammar :

possessive 's and possessive pronouns

What Is the Possessive Case?

Possessive 's and s'

We use **possessive 's** to say that something or someone belongs to a person, is connected to a place, or to show the relationship between people.

The **possessive 's** always comes after a **noun**.

Do exercise: 1,2 ,3 p.9 (student book)

Possessive pronouns

This is **our** house. It's **ours**.

This is **my** bedroom. It's **mine**.

This is **my** brother's bike. It's **his**.

Subject Pronouns		I	you	he	she	it	we	you	th
Possessive	Adjectives	my	your	his	her	its	our	your	th
	Pronouns	mine	yours	his	hers	its	ours	yours	th

Do exercise: 4,5 p.9 (student book)

Common adjectives to describe objects.

Brisk Gradual Low-speed

Agile *Speed* Sluggish

Deft Fast

Nimble Quick

Steady High-speed Rapid

Old Brief

Quick Old-fashioned Early

Short *Time* Late

Young Long

Ancient New Modern

Cool Chilly Damp

Crooked Different

Cuddly *Touch* Blunt

Curly Boiling

Damaged Clean Breakable

Common Adjectives

Brave Calm

Afraid Charming Different

Angry Fair

Annoyed *Feelings* Agreeable

Anxious Cheerful Alert

Alright

Adorable Bloody

Alert Careful Blushing

Average *Appearance* Brainy

Beautiful Broken

Blonde Clever Busy

Before a Noun: if it comes immediately before a noun, it's likely an adjective. For example, in "blue plate," "blue" is an adjective describing the noun "plate."

S + to be + adjective + noun

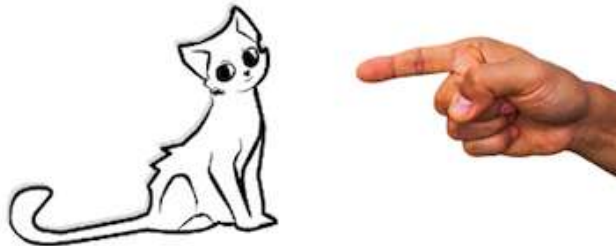
Ex: This is a **blue plate**
Adj. Noun

Do exercise: 1,3 p.10 (student book)

What is the difference between this/that and these/those?

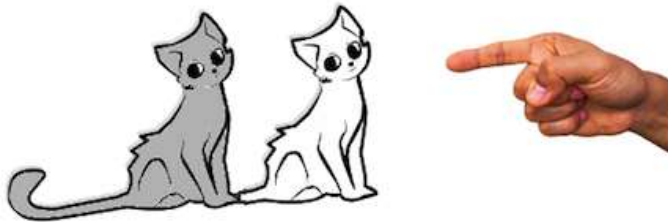
This and These: Objects That Are Close

- Use **this** to talk about a **singular object** (one thing) that is **close** to you.



Example: This cat is happy. (the noun 'cat' is singular, which means there is only one)

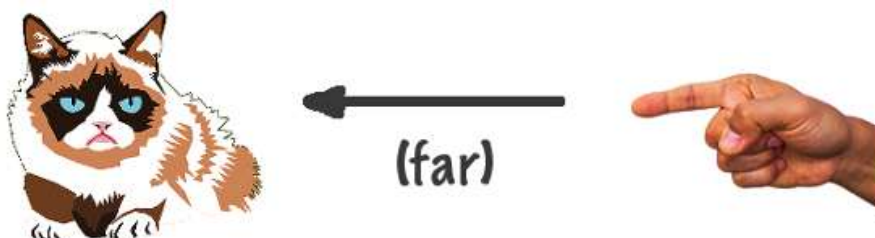
- Use **these** to talk about **plural objects** (more than one thing) that are **close** to you.



Example: These cats happy. (the noun 'cats' is plural; there is more than one; the noun has an 's')

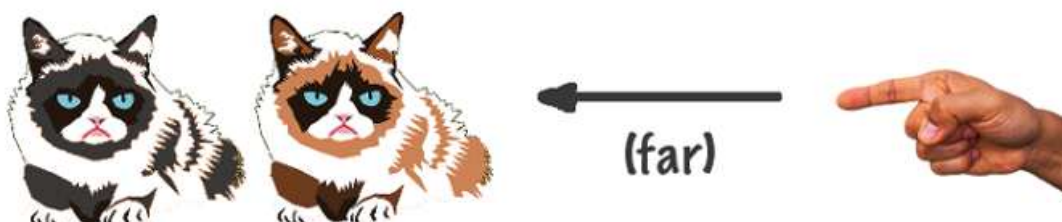
That and Those: Objects That Are Far

- Use **that** to talk about a **singular object** (one thing) that is **far** from you.



Example: That cat is sad. (The noun is singular, and the object is not close to you; it is far away)

- Use **those** to talk about **plural objects** (more than one thing) that are **far** from you.



Ex: Those cats are sad. (the noun (cats) is plural, and they are far away)
Do exercise: 1,2 p.11 (student book)

Have got

Have got (have/has + got) is used to talk mainly about possessions or personal attributes.



- Have got and have mean the same.

Example:

- + I've got a new computer = I have a new computer.
- + She's got a beautiful cat = She has a beautiful cat.
- + They haven't got a house = They don't have a house
- + He hasn't got a lot of friends = He doesn't have a lot of friends.
- + Have you got a present? = Do you have a present?
- + Has Mary got a new bike? = Does Mary have a new bike?

Do exercise 2 p.10 3,4 p.11 (student book)

Do exercise p.7,8,9 (workbook)

Môn toán:

TIẾT 4 - BÀI 3. CÁC PHÉP TÍNH TRONG TẬP HỢP SỐ TỰ NHIÊN.

(Hướng dẫn tự học tại nhà)

A. PHẦN ND TỰ HỌC

1: Phép cộng và phép nhân:

PHẦN YÊU CẦU HỌC SINH TRẢ LỜI:	PHẦN GHI VÀO TẬP
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV cho HS đọc đề bài Thực hành 1 và yêu cầu giải bài toán. - HS bày bài giải vào vở	1. Phép cộng và phép nhân Thực hành 1: Số tiền An đã mua là: $5 \times 6000 + 6 \times 5000 + 2 \times 5000 = 70\,000 \text{ (đồng).}$ Số tiền còn lại của An là: $100\,000 - 70\,000 = 30\,000 \text{ đồng.}$ HĐKP1: $1\,890 + 72\,645 = 74\,535 \Rightarrow \text{Đúng.}$ Trong đó: 1 890 và 72 645 là các số hạng, 74 535 là tổng. $363 \times 2\,018 = 732\,534 \Rightarrow \text{Đúng}$ Trong đó: 363 và 2 018 là các thừa số, 732 534 là tích. <u>Chú ý:</u> Trong một tích mà các thừa số đều bằng chữ hoặc chỉ có một thừa số bằng số, ta có thể không viết dấu nhân ở giữa các thừa số; dấu “ $\times$ ” trong tích các số cũng có thể thay bằng dấu “.”. Ví dụ: $a \times b = a.b$; $6 \times a \times b = 6.a.b = 6ab$; $363 \times 2018 = 363.2018$

2: Tính chất của phép cộng và phép nhân số tự nhiên

PHẦN YÊU CẦU HỌC SINH TRẢ LỜI:	Phần chép vào tập
- Nghiên cứu sgk và ghi nhớ các tính chất của phép cộng và phép nhân vào tập. - áp dụng các tính chất đó vào giải các bài toán ở thực hành 2 và thực hành 3 sau đó so sánh với đáp án phần bên	2. Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên: Thực hành 2: a) $17 + 23 = 23 + 17$ b) $(12 + 28) + 10 = 12 + (28 + 10)$ c) $17.23 = 23.17$ d) $(5.6).3 = 5.(6.3)$ e) $23.(43 + 17) = 23.43 + 23.17.$ * Các tính chất: a, b, c $\in \mathbb{N}$ - Tính chất giao hoán: $a + b = b + a$ $a.b = b.a$ - Tính chất kết hợp: $(a + b) + c = a + (b + c)$ $(a.b).c = a.(b.c)$ - Tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng: $a.(b + c) = a.b + a.c$

	- Tính chất cộng với số 0, nhân với số 1. $a + 0 = a$ $a \cdot 1 = a$ Thực hành 2: $T = 11 \cdot (1 + 3 + 7 + 9) + 89 \cdot (1 + 3 + 7 + 9)$ $T = (11 + 89) \cdot [(1 + 3 + 7 + 9)]$ $T = 100 \cdot 20$ $T = 2000$ Thực hành 3: a) $1\,234 \cdot 9 = 1\,234 \cdot (10 - 1) = 12\,340 - 1\,234 = 11\,106$ b) $1\,234 \cdot 99 = 1\,234 \cdot (100 - 1) = 123\,400 - 1\,234 = 122\,166.$
--	---

3: Phép trừ và phép chia hết.

PHẦN YÊU CẦU HỌC SINH TRẢ LỜI:	Phản chép vào tập
- yêu cầu HS đọc, tìm hiểu và hoàn HĐKP3. - yêu cầu HS đọc hiểu quan niệm về phép trừ và phép chia hết trong SGK-tr14,15. - HS trả lời các câu hỏi sau: + <i>Kết quả phép trừ $a - b = x$ nghĩa là gì?</i> <i>Xác định các thành phần trong phép trừ trên.</i> + <i>Kết quả của phép chia hết $a : b = x$ nghĩa là gì? Xác định các thành phần trong phép chia trên.</i> - lưu ý cho HS phần Chú ý.	3. Phép trừ và phép chia hết. HĐKP3: a) Số tiền còn thiếu là: $200\,000 - 80\,000 = 120\,000$ (đồng) b) Cần phải thực hiện gây quỹ trong: $120\,000 : 20\,000 = 6$ (tháng) Vận dụng: a) Ta có: $36 - 12 = 24$ Vậy 24 năm nữa thì số tuổi An bằng tuổi mẹ An năm nay. b) Ta có: $36 : 12 = 3$ Vậy năm nay số tuổi của mẹ An bằng 3 lần số tuổi của An. * Chú ý: Phép nhân cũng có tính chất phân phối đối với phép trừ a. $(b - c) = a \cdot b - a \cdot c$ ($b > c$)

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- yêu cầu HS hoàn thành các bài tập bài 1,2,3,4 , hoàn thành vở

B. PHẦN GHI LẠI THẮC MẮC NẾU CÓ

Trong quá trình học các em không hiểu ở nội dung nào thì gửi nội dung thắc mắc đó theo mẫu ở bài 1, 2. (Đã gửi trước đó nhé)

TIẾT 5 - BÀI 4. LŨY THỪA VỚI SỐ MŨ TỰ NHIÊN.

A. TIẾN TRÌNH TỰ HỌC

1. Lũy thừa

PHẦN YÊU CẦU HỌC SINH TRẢ LỜI:	PHẢN CHÉP VÀO TẬP
- HS đọc hiểu nội dung đầu mục.	1. Lũy thừa Ví dụ: $10.10.10.10.10.10 = 10^6$

“Ta đã biết cách viết gọn tổng của nhiều số hạng bằng nhau thành phép nhân, chẳng hạn: $6 + 6 + 6 + 6 = 6 \cdot 4$ Đối với tích của nhiều thừa số bằng nhau: $6 \cdot 6 = 6^4$. Ta gọi 6^4 là một lũy thừa.” - yêu cầu HS hoàn thành HĐKP1. -yêu cầu HS đọc hiểu nội dung mục này trong SGK và đánh giá kết quả dự trên các câu hỏi, hoạt động sau: + a^n nghĩa là gì? + a bình phương là gì? + a lập phương là gì? - yêu cầu 1 vài HS đọc lại nội dung kiến thức trọng tâm. - Yêu cầu làm phần Thực hành 1	HĐKP1: a) $5 \cdot 5 \cdot 5 = 5^3$ b) $7 \cdot 7 \cdot 7 \cdot 7 \cdot 7 \cdot 7 = 7^6$ Lũy thừa bậc n của a kí hiệu a^n, là tích của n thừa số a: $a^n = \underbrace{a \cdot a \cdot \dots \cdot a}_{n \text{ thừa số}} \quad (n \in \mathbb{N}^*)$ a^n đọc là “a mũ n” hoặc “a lũy thừa n” trong đó : a là cơ số. n là số mũ. => Phép nâng nhiều thừa số bằng nhau gọi là phép nâng lũy thừa. * Chú ý: Ta có $a^1 = a$. a^2 cũng được gọi là bình phương (hay bình phương của a). a^3 cũng được gọi là lập phương (hay lập phương của a). VD: 9^3 đọc là “ chín mũ ba” hoặc “chín lũy thừa ba” hoặc “lũy thừa bậc ba của 9” hoặc “lập phương của 9”. $9^3 = 9 \cdot 9 \cdot 9 = 729$ Thực hành 1: a) $3 \cdot 3 \cdot 3 = 3^3 = 27$ $6 \cdot 6 \cdot 6 \cdot 6 = 6^4 = 1296$ b) 3^2 còn gọi là 3 mũ 2 hay lũy thừa bậc 2 của 3 5^3 còn gọi là 5 mũ 3 hay lũy thừa bậc 3 của 5 c) 3^{10} đọc là 3 mũ 10, 3 lũy thừa 10 hay lũy thừa bậc 10 của 3 => 3^{10} thì 3 là cơ số, 10 là số mũ. 10^5 đọc là 10 mũ 5, 10 lũy thừa 5 hay lũy thừa bậc 5 của 10 => 10^5 thì 10 là cơ số, 5 là số mũ.
--	--

2: Nhân hai lũy thừa cùng cơ số

a. Mục đích:

PHẦN YÊU CẦU HỌC SINH TRẢ LỜI:	PHẦN CHÉP VÀO TẬP
--	---------------------------------

- GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân hoàn thành HĐKP2. <i>Khi nhân hai lũy thừa cùng cơ số, ta giữ nguyên cơ số và cộng số mũ:</i> $a^m \cdot a^n = a^{m+n}$ -Học sinh lần thực hành 2	2. Nhân hai lũy thừa cùng cơ số HĐKP2: a) $3 \cdot 3^3 = 3.3.3.3 = 3^4$ b) $2^2 \cdot 2^4 = 2.2.2.2.2 = 2^6$ * Quy tắc: <i>Khi nhân hai lũy thừa cùng cơ số, ta giữ nguyên cơ số và cộng số mũ:</i> $a^m \cdot a^n = a^{m+n}$ Thực hành 2: $3^3 \cdot 3^4 = 3^{3+4} = 3^7$ $10^4 \cdot 3^3 = 10^{4+3} = 10^7$ $x^2 \cdot x^5 = x^{2+5} = x^7$
--	--

3: Chia hai lũy thừa cùng cơ số

PHẦN YÊU CẦU HỌC SINH TRẢ LỜI:	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
- Từ HĐKP3, G <i>Khi chia hai lũy thừa cùng cơ số, ta giữ nguyên cơ số và trừ số mũ:</i> $a^m : a^n = a^{m-n} \quad (a \neq 0; m \geq n)$ -yêu cầu HS áp dụng quy tắc làm bài Thực hành 3.	3. Chia hai lũy thừa cùng cơ số HĐKP3: a) Có: $5^5 : 5^2 = 5^3$ $\Rightarrow 5^7 : 5^2 = 5^5$ và $5^7 : 5^5 = 5^2$ b) Nhận xét: Số mũ của thương bằng hiệu của số mũ số bị chia và số mũ của số chia. Từ đó ta tính: $7^9 : 7^2 = 7^{9-2} = 7^7$ $6^5 : 6^3 = 6^{5-3} = 6^2$ * Quy tắc: <i>Khi chia hai lũy thừa cùng cơ số, ta giữ nguyên cơ số và trừ số mũ:</i> $a^m : a^n = a^{m-n} \quad (a \neq 0; m \geq n)$ Quy ước: $a^0 = 1 \quad (a \neq 0)$. Thực hành 3: $11^7 : 11^3 = 11^{7-3} = 11^4$ $11^7 : 11^7 = 11^{7-7} = 11^0 = 1$ $7^2 : 7^4 = 7^{2-4} = 7^{-2}$ $7^2 : 7^4 : 7^3 = 7^{2-4-3} = 7^{-5}$ b) $9^7 : 9^2 = 9^5 \Rightarrow$ Đúng. $7^{10} : 7^2 = 7^8 \Rightarrow$ Sai. $(7^{10} : 7^2 = 7^{10-2} = 7^8.)$ $2^{11} : 2^8 = 2^3 \Rightarrow$ Sai.

$$(2^{11} : 2^8 = 2^{11-8} = 2^3 = 8)$$

$$5^6 : 5^6 = 5 \Rightarrow \text{Sai.}$$

$$(5^6 : 5^6 = 1.)$$

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- yêu cầu HS hoàn thành bài tập 1,2,3,4 sgk

B. PHẦN GHI LẠI THẮC MẮC NẾU CÓ

Trong quá trình học các em không hiểu ở nội dung nào thì gửi nội dung thắc mắc đó theo mẫu ở bài 1, 2. (Đã gửi trước đó nhé)

TIẾT 6+ 7- BÀI 5. THỨ TỰ THỰC HIỆN CÁC PHÉP TÍNH.

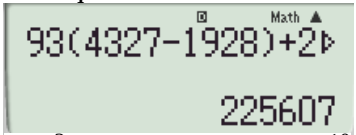
A. NỘI DUNG TỰ HỌC

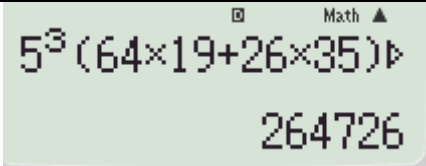
1: Thứ tự thực hiện phép tính

PHẦN YÊU CẦU HỌC SINH TRẢ LỜI:	Phần chép vào tập
- HS nhớ và nhắc lại về biểu thức. - khái niệm biểu thức: <i>Gồm các phép toán cộng, trừ, nhân, chia và nâng lên lũy thừa của các con số hoặc chữ.</i> (không bắt HS học thuộc mà chỉ cần HS nhận biết được đối tượng cụ thể cho có phải là biểu thức không) - yêu cầu HS suy nghĩ và hoàn thành HĐKP. - lưu ý: ❖ Đối với biểu thức có dấu ngoặc Nếu chỉ có phép cộng và phép trừ (hoặc chỉ có phép nhân và phép chia) thì thực hiện các phép tính từ trái qua phải, chẳng hạn: • $52 - 8 + 11 = 44 + 11 = 55$ • $60 : 10 \times 5 = 30$ Nếu có phép tính cộng, trừ, nhân, chia, nâng lên lũy thừa thì ta thực hiện phép tính nâng lên lũy thừa trước, rồi đến nhân chia, cuối cùng đến cộng và trừ, chẳng hạn: • $10 + 2 \cdot 4^2 = 10 + 2 \cdot 16$ $= 10 + 32 = 42$ ❖ Đối với biểu thức không có dấu ngoặc: Nếu chỉ có một dấu ngoặc thì ta thực hiện phép tính trong dấu ngoặc trước. Chẳng hạn: • $(10 + 17) : 9 = 27 : 9 = 3$ Nếu có các dấu ngoặc tròn (), dấu ngoặc vuông [], dấu ngoặc nhọn { } thì ta thực hiện các phép tính trong dấu ngoặc tròn trước, rồi thực hiện các phép tính trong dấu ngoặc vuông, cuối cùng thực hiện các phép tính trong dấu ngoặc nhọn. Chẳng hạn: • $\{15 + 2 \cdot [8 - (5 - 3)]\} : 9$	1. Thứ tự thực hiện phép tính HĐKP: Có các kết quả khác nhau đó vì: + An có kết quả bằng 0 vì An thực hiện lần lượt các phép tính từ trái sang phải (sai thứ tự các phép tính) $6 - 6 : 3 \cdot 2 = 0 : 3 \cdot 2 = 0$ + Bình có kết quả bằng 2 vì Bình thực hiện đúng theo quy tắc nhân chia trước, cộng trừ sau: $6 - 6 : 3 \cdot 2 = 6 - 2 \cdot 2 = 6 - 4 = 2$ + Chi có kết quả bằng 5 vì Chi thực hiện 3.2 trước sai thứ tự phép tính): $6 - 6 : 3 \cdot 2 = 6 - 6 : 6 = 6 - 1 = 5$ * Khi thực hiện các phép tính trong một biểu thức: - Với các biểu thức không có dấu ngoặc: Lũy thừa → Nhân và chia → Cộng và trừ VD: • $52 - 8 + 11 = 44 + 11 = 55$ • $60 : 10 \times 5 = 30$ • $10 + 2 \cdot 4^2 = 10 + 2 \cdot 16$ $= 10 + 32 = 42$ - Với các biểu thức có dấu ngoặc: trong ngoặc trước, ngoài ngoặc sau: $() \rightarrow [] \rightarrow \{\}$ VD: • $(10 + 17) : 9 = 27 : 9 = 3$ • $\{15 + 2 \cdot [8 - (5 - 3)]\} : 9$ $= 15 + 2 \cdot [8 - 2] : 9$ $= \{15 + 2 \cdot 6\} : 9$ $= \{15 + 12\} : 9$ $= 27 : 9 = 3$ Thực hành 1: a) $72 \cdot 19 - 362 : 18 = 1368 - 20 = 1348$ b) $750 : \{130 - [(5 \cdot 14 - 65)3 + 3]\}$

$= 15 + 2.[8-2] : 9$ $= \{15 + 2.6\} : 9$ $= \{15+12\} :9$ $= 27 : 9 = 3$ - HS đọc hiểu Ví dụ 1 được trình bày trong SGK – tr19. - yêu cầu HS áp dụng quy tắc để hoàn thành Thực hành 1 , hoàn thành Thực hành 2 .	$= 750 : \{130 - [(70 - 65)3 + 3]\}$ $= 750 : \{130 - [(5)3 + 3]\}$ $= 750 : (130 - 128)$ $= 750 : 2$ $= 375$ Thực hành 2: a) $(13x - 12^2) : 5 = 5$ $13x - 12^2 = 25$ $13x = 25 + 12^2$ $13x = 25 + 144$ $13x = 169$ $x = 169 : 13$ $\Rightarrow x = 13$ b) $3x [8^2 - 2.(2^5 - 1)] = 2\,022$ $3x = 2\,022 : [8^2 - 2.(2^5 - 1)]$ $3x = 2\,022 : [64 - 2.31]$ $3x = 2\,022 : 2$ $x = 1\,011 : 3$ $\Rightarrow x = 337$
---	---

2: Sử dụng máy tính cầm tay

PHẦN YÊU CẦU HỌC SINH TRẢ LỜI:	Phần ghi vào vở
Sử dụng máy tính cầm tay để thực hiện thực hành 3 theo hướng dẫn sau:  + Nút mở máy:  + Nút tắt máy:  + Các nút số từ 0 đến 9. + Nút dấu cộng, dấu trừ, dấu nhân, dấu chia. + Nút dấu “=” cho phép hiện ra kết quả trên màn hình số.  + Nút xóa: + Nút xóa toàn bộ phép tính vừa thực	2. Sử dụng máy tính cầm tay Thực hành 3: a) $93.(4327 - 1928) + 2500$ - Nút ấn:  -Kết quả:  b) $5^3.(64.19 + 26.35) - 2^{10}$ - Nút ấn:  - Kết quả:

hiện:  + Nút dấu ngoặc trái và phải:  + Nút tính lũy thừa:  - yêu cầu HS đọc hiểu và thực hiện theo Ví dụ 2. - yêu cầu HS vận dụng kiến thức hoàn thành Thực hành 3. - lưu ý cho HS : <i>Khi nhập phép nhân một số với tổng, trước dấu ngoặc không cần bấm phím</i> .	
---	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- GV yêu cầu HS hoàn thành Bài 1,2,3,4

B. PHẦN GHI LẠI THẮC MẮC NẾU CÓ

Trong quá trình học các em không hiểu ở nội dung nào thì gửi nội dung thắc mắc đó theo mẫu ở bài 1, 2. (Đã gửi trước đó nhé)

Tuần 2

Môn KHTN lớp 6

BÀI 3: QUY ĐỊNH AN TOÀN TRONG PHÒNG THỰC HÀNH. GIỚI THIỆU MỘT SỐ DỤNG CỤ ĐO – SỬ DỤNG KÍNH LÚP VÀ KÍNH HIỂN VI QUANG HỌC. (tiếp theo)

Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu kiến thức:

- **Tìm hiểu một số dụng cụ đo:**

Em hãy cho biết những dụng cụ đo sau dùng để làm gì?



Lực kế



Nhiệt kế



Ống đong



Pipette



Cốc chia độ

• T
ì
m



Cân đồng hồ



Cân điện tử



Thước cuộn



Đồng hồ bấm giây

hiểu kính lúp và kính hiển vi

quang học:



▲ Hình 3.8. Cấu tạo kính hiển vi quang học

Em hãy nêu cấu tạo của kính hiển vi quang học?

Cách sử dụng kính hiển vi qua 3 bước:

Bước 1. Chuẩn bị kính: Đặt kính vừa tầm quan sát, nơi có đủ điều kiện chiếu sáng hoặc gần nguồn cấp điện.



Bước 2. Điều chỉnh ánh sáng: Mắt nhìn vào thị kính, điều chỉnh gương phản chiếu hướng nguồn ánh sáng vào vật kính, khi thấy trường hiển vi sáng trắng thì dừng lại (nếu dùng kính hiển vi điện thì bỏ qua bước này).



Bước 3. Quan sát vật mẫu:

- Sử dụng vật kính có số bội giác nhỏ nhất.
 - Đặt tiêu bản lên mâm kính.
 - Điều chỉnh ốc sơ cấp, đưa vật kính đến vị trí gần tiêu bản.
 - Mắt hướng vào thị kính, điều chỉnh ốc sơ cấp nâng vật kính lên cho tới khi quan sát được mẫu vật thì chuyển sang điều chỉnh ốc vi cấp để nhìn rõ các chi tiết bên trong.
- Để thay đổi độ phóng đại kính hiển vi, quay mâm kính để lựa chọn vật kính phù hợp.



▲ Hình 3.9. Các bước sử dụng kính hiển vi quang học

Em hãy nêu cách sử dụng kính hiển vi quang học?



▲ Hình 3.6. Kính lúp cầm tay



▲ Hình 3.7. Kính lúp có giá đỡ

Em hãy nêu cấu tạo và cách sử dụng của kính lúp?

Nội dung cần ghi nhớ:

1. Giới thiệu các dụng cụ đo:

Kích thước, thể tích, khối lượng, nhiệt độ,.. là các đại lượng vật lí của một vật thể. Dụng cụ dùng để đo các đại lượng đó gọi là dụng cụ đo. Khi sử dụng dụng cụ đo cần chọn dụng cụ có giới hạn đo (GHĐ – giá trị lớn nhất ghi trên vạch chia của dụng cụ đo) và độ chia nhỏ nhất (ĐCNN – hiệu giá trị đo của hai vạch chia liên tiếp trên dụng cụ đo) phù hợp với vật cần đo, đồng thời phải tuân thủ quy tắc của dụng cụ đó.

2. Kính lúp và kính hiển vi quang học:

a. Kính lúp:

Cấu tạo kính lúp gồm 3 bộ phận: mặt kính, khung kính, tay cầm (giá đỡ)
Cách sử dụng: tay cầm kính lúp để điều chỉnh khoảng cách giữa kính với vật cần quan sát cho tới khi quan sát rõ vật.
Kính lúp được sử dụng quan sát rõ hơn các vật thể nhỏ mà mắt thường khó quan sát.

b. Kính hiển vi quang học:

Cấu tạo kính hiển vi quang học bao gồm 4 hệ thống chính: hệ thống giá đỡ, hệ thống phóng đại, hệ thống chiếu sáng và hệ thống điều chỉnh.
Cách sử dụng: 3 bước (tham khảo nội dung trên).

Hoạt động 2: Vận dụng:

Em hãy so sánh cấu tạo và cách sử dụng của kính lúp và kính hiển vi quang học.
Kính lúp và kính hiển vi thường được dùng để quan sát những vật có đặc điểm như thế nào?

BÀI 4: ĐO CHIỀU DÀI

Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu kiến thức:

1. Đơn vị đo độ dài:

Đơn vị đo độ dài trong hệ thống đơn vị đo lường chính thức của nước ta là:

.....
Một số đơn vị đo độ dài khác thường gặp:.....
.....
.....
.....



Km	Hm	Dam	Mét	Dm	Cm	Mm
↖ : 10		↖ : 10		↖ : 10		↖ : 10

Ví dụ: Đổi đơn các đơn vị sau:

1,2 m = dm = cm = mm
 = km

15 dm = m

15 cm = m

15 mm = m

15 km = m

2. Dụng cụ đo độ dài:

Một số dụng cụ đo độ dài thường gặp:

.....

.....



.....



.....

.....

.....

.....



.....

.....

- Giới hạn đo (GHĐ):

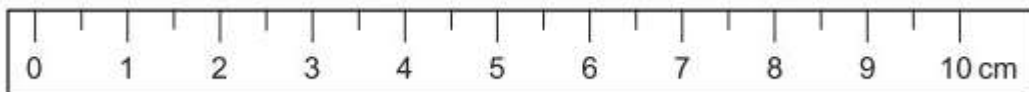
.....

.....

- Độ chia nhỏ nhất (ĐCNN):

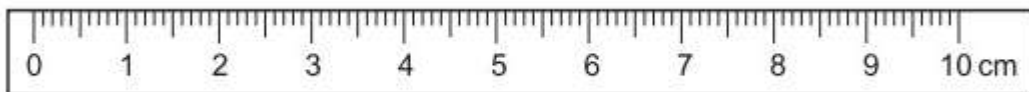
.....

.....



GHĐ:

ĐCNN:



GHĐ:

ĐCNN:

3. Cách đo độ dài bằng thước:

-
-

.....

.....

.....

-
.....
.....

.....

.....

.....

-
.....
.....

.....

.....

.....

-
.....
.....

.....

.....

.....

Ví dụ: Nêu cách đo khi dùng thước thẳng có ĐCNN 0,2 cm để đo chiều dài cây bút chì



Nội dung cần ghi nhớ:

Khi đo chiều dài của một vật bằng thước, ta cần thực hiện các bước sau:

Bước 1: Ước lượng chiều dài của vật cần đo.

Bước 2: Chọn thước đo phù hợp

Bước 3: Đặt thước đo đúng cách

Bước 4: Đặt mắt đúng cách, đọc giá trị chiều dài của vật cần đo theo giá trị của vạch chia trên quy định thước gần nhất với đầu kia của vật

Bước 5: Ghi kết quả mỗi lần đo.

Hoạt động 2: Vận dụng:

1. Có thể dùng loại thước nào để đo độ dài các vật sau:
 - a. Chiều dài và chiều rộng của lớp học
 - b. Đường kính của viên bi
 - c. Chiều dài của mảnh vải
2. Có 2 thước: Thước thứ nhất dài 30 cm, có độ chia tới mm, thước thứ hai dài 1 m có độ chia tới cm.
 - a. Xác định GHĐ và ĐCNN của mỗi thước
 - b. Nên dùng thước nào để đo chiều dài bàn giáo viên; chiều dài của SGK vật lý 6.
3. Em hãy trình bày cách đo bề dày của một tờ giấy A4?

TUẦN 2- TIN HỌC 6

CHỦ ĐỀ A. MÁY TÍNH VÀ CỘNG ĐỒNG

BÀI 2. LƯU TRỮ VÀ TRAO ĐỔI THÔNG TIN

1. Lưu trữ thông tin

- Lưu trữ thông tin là hoạt động đưa thông tin vào vật mang tin.
- Dữ liệu là thông tin dưới dạng được chứa trong vật mang tin.
- Có ba dạng dữ liệu: dạng chữ và số, dạng hình ảnh và dạng âm thanh.
- Ví dụ về thông tin và dữ liệu: Tiếng trống trường ba hồi chín tiếng là dữ liệu. Tiếng trống được đặt trong bối cảnh ngày khai trường, trở thành thông tin, mang ý nghĩa: Tiếng trống trang trọng nhắc nhở mọi người về nhiệm vụ học tập khó khăn nhưng cũng đầy phấn khởi với những niềm vui trong học tập.

2. Trao đổi thông tin

- Trao đổi thông tin là gửi thông tin tới bên nhận và nhận thông tin tới bên gửi.
- Hoạt động trao đổi thông tin diễn ra thường xuyên trong cuộc sống, trong công việc hằng ngày của con người. Nó là một hoạt động thiết yếu không thể thiếu và diễn ra rất tự nhiên.

+ HD1

Tình huống	Bên gửi thông tin	Bên nhận thông tin
1	Bạn gửi mẫu giấy	Em
2	Xe cứu hỏa	Những người khác trên đường

3. Các bước hoạt động thông tin của con người

- Hoạt động thông tin con người gồm: Con người thu nhận thông tin từ thế giới bên ngoài -> xử lý thông tin -> ghi nhớ và lưu trữ thông tin -> trao đổi thông tin.
- Không bắt buộc phải luôn đầy đủ và liên tục các bước theo trình tự.
- Từ “thông tin vào” đến “ghi nhớ trong đầu” là hoạt động trong não bộ.
- “Lưu trữ” và “trao đổi thông tin” là hoạt động ngoài não bộ.

4. Vai trò quan trọng của thông tin và hoạt động thông tin

HD2: + Tình huống 1: Hậu quả có thể là chết người.

+ Tình huống 2: Hậu quả có thể là vụ cháy.

Kết luận: Thông tin rất quan trọng đối với con người; hoạt động thông tin diễn ra thường xuyên trong cuộc sống hằng ngày. Thiếu thông tin có thể gây ra hậu quả nghiêm trọng.

PHIẾU HỌC TẬP

Bài 1. Em hãy cho biết phóng viên phỏng vấn, cảnh sát điều tra hiện trường vụ tai nạn có thể dùng những cách nào để lưu trữ thông tin. Trong mỗi trường hợp đó, thông tin được chuyển thành dữ liệu dạng gì?

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 2. Có những cách nào để lưu trữ thông tin trong những trường hợp sau và khi lưu trữ em có loại dữ liệu gì?

- a) Em muốn ghi lại lời giảng của cô giáo.
- b) Em đi du lịch với gia đình đến Đà Lạt, muốn khoe với bạn biết hoa dã quỳ trông như thế nào?
- c) Em học tiếng Anh, muốn có mẫu phát âm của giáo viên để luyện theo.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Thời gian: Tuần 3 (20/9/2021 – 24/9/2021)

GỢI Ý HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ
(Đối với học sinh không thể học tập trực tuyến)

A. PHẦN LỊCH SỬ

3. Giáo viên biên soạn Tài liệu học tập và Phiếu hướng dẫn học sinh tự học

NỘI DUNG	GHI CHÚ																										
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp	CHƯƠNG 2: THỜI KÌ NGUYÊN THỦY BÀI 3: NGUỒN GỐC LOÀI NGƯỜI																										
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	Đọc thông tin ở Mục 1 “Quá trình tiến hoá từ Vượn thành Người” trang 18-19 SGK Lịch sử và địa lí 6 (Phần lịch sử) để trả lời các câu hỏi sau: + Em hãy nêu quá trình tiến hóa từ vượn thành người + Những đặc điểm nào cho thấy sự tiến hoá của người tối cổ so với Vượn người? + Quan sát hình 3.1, em hãy cho biết theo em Vượn người lúc này có phải là con người thực sự chưa ? Vì sao ? + Quan sát hình 3.3, em thấy Người tinh khôn khác Người tối cổ ở những điểm nào? Đọc thông tin ở Mục 2 “Dấu tích của Người tối cổ ở Đông Nam Á” trang 19-20 kết hợp với việc quan sát lược đồ 3.5, SGK Lịch sử và địa lí 6 (Phần lịch sử) để trả lời các câu hỏi sau: + Kể tên các địa điểm tìm thấy dấu tích của người tối cổ ở Đông Nam Á + Người tối cổ xuất hiện ở Đông Nam Á như thế nào ? Hoá thạch đầu tiên của họ được tìm thấy ở đâu ? + Em có nhận xét gì về phạm vi phân bố của người tối cổ ở Đông Nam Á ? + Người tối cổ xuất hiện sớm nhất ở Việt Nam cách ngày nay khoảng bao nhiêu năm ? Họ đã sử dụng đá làm những vật gì ?																										
Hoạt động 2:Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	1. Học sinh dựa vào thông tin trong bài học kết hợp các bức ảnh 3.1, 3.2 và 3.3 để hoàn thành bảng sau: <table><tr><td></td><td>Vượn người</td><td>Người tối cổ</td><td>Người tin</td></tr><tr><td>Thời gian xuất hiện</td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>Dấu tích (địa điểm nhìn thấy sớm nhất)</td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>Đặc điểm nào</td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>Đặc điểm vận động</td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>Công cụ lao động</td><td></td><td></td><td></td></tr></table>				Vượn người	Người tối cổ	Người tin	Thời gian xuất hiện				Dấu tích (địa điểm nhìn thấy sớm nhất)				Đặc điểm nào				Đặc điểm vận động				Công cụ lao động			
	Vượn người	Người tối cổ	Người tin																								
Thời gian xuất hiện																											
Dấu tích (địa điểm nhìn thấy sớm nhất)																											
Đặc điểm nào																											
Đặc điểm vận động																											
Công cụ lao động																											

	2. Bằng chứng khoa học nào chứng tỏ Đông Nam Á là nơi có con người xuất hiện sớm? 3. Lập bảng thống kê các di tích của người tối cổ ở Đông Nam Á theo bảng sau:	
	Tên quốc gia hiện nay	Tên địa điểm
	Myanmar	
	Thái Lan	
	Việt Nam	
	Indonesia	
	Philippines	
	Malaysia	
	4. Vận dụng: Phần lớn người Châu Phi có làn da đen, người Châu Á có làn da vàng còn người Châu Âu có làn da trắng, liệu họ có chung một nguồn gốc hay không?	

2. Giáo viên hướng dẫn học sinh ghi bài:

Chương 2: THỜI KÌ NGUYÊN THỦY **BÀI 3: NGUỒN GỐC LOÀI NGƯỜI**

1.Quá trình tiến hoá từ Vượn thành Người

	<i>Vượn người</i>	<i>Người tối cổ</i>	<i>Người tinh khôn</i>
Thời gian xuất hiện	6 – 5 triệu năm cách ngày nay	4 triệu năm cách ngày nay	150.000 năm cách ngày nay
Dấu tích (địa điểm nhìn thấy sớm nhất)	Đông Phi	Nhiều nơi trên thế giới, trong đó có khu vực Đông Nam Á	Khắp các châu lục
Đặc điểm não	400cm ³	Thể tích: 650 - 1100 cm ³	Thể tích: 1450 cm ³
Đặc điểm vận động	Chủ yếu leo trèo, còn sử dụng chi trên để đi trên mặt đất	Thoát li khỏi leo trèo, có khả năng đứng thẳng trên mặt đất	Có cấu tạo cơ thể như người hiện nay
Công cụ lao động	Chưa biết làm công cụ	Công cụ đá được ghè đẽo (thô sơ)	Biết chế tạo công cụ tinh xảo

2. Dấu tích của Người tối cổ ở Đông Nam Á:

- Người tối cổ xuất hiện sớm ở Đông Nam Á, dấu tích đầu tiên ở Gia-va (Indonesia)

- Ở Việt Nam, người tối cổ xuất hiện ở An Khê (Gia Lai), Thẩm Khuyên – Thẩm Hai (Lạng Sơn), núi Độ (Thanh Hoá), Xuân Lộc (Đồng Nai); sử dụng công cụ đá có ghè đẽo thô sơ.

1. Giáo viên hướng dẫn học sinh ghi bài và các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
LỊCH SỬ	Bài 3: Nguồn gốc loài người?	1..... 2..... 3.....

B. PHẦN ĐỊA LÍ

4. Giáo viên biên soạn Tài liệu học tập và Phiếu hướng dẫn học sinh tự học

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp	BÀI 1: HỆ THỐNG KINH, VĨ TUYẾN VÀ TỌA ĐỘ ĐỊA LÍ (TIẾT 2)
Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</i>	HS đọc SGK Lịch sử và địa lí 6 bộ Chân trời sáng tạo. HS đọc nội dung kênh chữ trong mục II SGK để trả lời 2 câu hỏi: 1. Tọa độ địa lí của một điểm trên quả Địa Cầu/bản đồ được xác định như thế nào? 2. Khi xác định tọa độ địa lí của một điểm cần lưu ý điều gì? - Quan sát hình 1.2 và đọc thông tin trong mục II, em hãy: 1. Xác định tọa độ địa lí các điểm A,B,C,D và ghi ra tọa độ địa lí các điểm đó trong vở/tài liệu HS/giấy nháp,...

	Hình 1.2. Tọa độ địa lí của các điểm A, B, C, D.
Hoạt động 2: Tìm hiểu về LƯỚI KINH, VĨ TUYẾN CỦA BẢN ĐỒ THẾ GIỚI	a. Mục đích: HS biết được khái niệm Kinh độ, vĩ độ và tọa độ địa lí và cách xác định trên bản đồ, lược đồ Quan sát hình 4 và thông tin SGK trả lời các câu hỏi sau Dựa vào nội dung mô tả lưới kinh, vĩ tuyến của bản đồ thế giới (hình 1.3.a), hãy mô tả đặc điểm lưới kinh, vĩ tuyến của các hình còn lại

5. Giáo viên hướng dẫn học sinh ghi bài và các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

BÀI 1: HỆ THỐNG KINH, VĨ TUYẾN VÀ TỌA ĐỘ ĐỊA LÍ (TIẾT 2)

Lưu ý: HS ghi nội dung bài học vào vở và điền vào chỗ chấm (...)

II. Tọa độ địa lí

- Kinh độ của một điểm: khoảng cách tính bằng số độ từ đi qua điểm đó.
- Vĩ độ của một điểm: khoảng cách tính bằng số độ từ đi qua điểm đó.
- Tọa độ địa lí của một điểm: nơi giao nhau giữa và của điểm đó.

Cách viết: A $\begin{cases} 80^{\circ} D \\ 40^{\circ} B \end{cases}$

Hoặc A (40°B, 80°Đ)

B (20° B, 40° Đ)

C (40° N, 20° Đ)

D (20° N, 40° T)

III/ LƯỚI KINH, VĨ TUYẾN CỦA BẢN ĐỒ THẾ GIỚI

. Một số lưới kinh, vĩ tuyến của bản đồ thế giới

- Bản đồ thế giới theo lưới chiếu hình nón: Kinh tuyến là những đoạn thẳng đồng quy ở cực, vĩ tuyến là những cung tròn đồng tâm ở cực bản đồ thế giới theo lưới chiếu hình trụ đứng đồng góc - Mercator):
- Hệ thống kinh, vĩ tuyến đều là những đường thẳng song song và vuông góc với nhau

HẾT

NỘI DUNG BÀI HỌC MÔN NGỮ VĂN 6
Thời gian: Tuần 3 (20/9/2021 – 26/9/2021)

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI
Văn bản BÁNH CHUNG BÁNH GIÀY

I. TÌM HIỂU CHUNG

a. Đọc, tìm hiểu chú thích và tóm tắt

b. Tìm hiểu chung

- Nhân vật chính: Lang Liêu
- Ngôi kể: Ngôi thứ ba
- Phương thức biểu đạt: Tự sự

c. Bố cục:

II. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

1. ĐẶC ĐIỂM CỐT TRUYỆN truyền thuyết qua truyện Bánh chưng, bánh giầy.

Đặc điểm	Chi tiết biểu hiện
a. Thường xoay quanh công trạng, kì tích của nhân vật mà cộng đồng truyền tụng, tôn thờ	- Lang Liêu làm ra bánh chưng (nguyên liệu lấy từ nông sản do nhân dân làm ra) được Vua cha lựa chọn dâng lên lễ Tiên Vương.
b. Thường sử dụng yếu tố kì ảo nhằm thể hiện tài năng, sức mạnh khác thường của nhân vật	- Lang Liêu nằm mộng được thần mách bảo những nguyên liệu làm bánh.
c. Cuối truyện thường gọi nhắc các dấu tích xưa còn lưu lại đến “ngày nay”.	- Hàng năm, cứ vào dịp tết Nguyên đán nhân dân ta có tục làm bánh chưng, bánh giầy để dâng cúng Trời Đất và tổ tiên.

2. ĐẶC ĐIỂM NHÂN VẬT truyền thuyết qua truyện Bánh chưng, bánh giầy.

Đặc điểm	Chi tiết biểu hiện
a. Thường có những điểm khác lạ về lai lịch, phẩm chất, tài năng, sức mạnh,...	- Lang Liêu mồ côi mẹ, là chàng trai hiền hậu, chăm chỉ, rất mực hiếu thảo.
b. Thường gắn với sự kiện lịch sử và có công lớn đối với cộng đồng	- Lễ Tiên Vương, tục thờ cúng Tổ tiên.

c. Được cộng đồng truyền tụng, tôn thờ.	- Dịp lễ, tết, nhân dân ta có tục làm bánh chưng, bánh giầy để tưởng nhớ tổ tiên và người đã sáng tạo ra bánh này.
---	--

TÓM TẮT NỘI DUNG CHÍNH CỦA MỘT VĂN BẢN BẰNG SƠ ĐỒ

I. Tìm hiểu chung

1. Trước khi viết:

- Đọc kĩ văn bản cần tóm tắt
- Xác định từ khoá, cụm từ chọn lọc, nhân vật - sự việc chính.
- Sắp xếp đúng trình tự thời gian các sự việc.

2. Viết tóm tắt bằng sơ đồ

- Viết theo sơ đồ đã hình dung.
- Đảm bảo trật tự sự việc.
- Liên kết bằng từ khoá.

3. Chỉnh sửa sơ đồ tóm tắt.

Đọc và sửa lại theo nhận xét của bạn và giáo viên.

II. Tìm hiểu bài tóm tắt mẫu

III. Luyện tập

Đề bài: Tóm tắt văn bản “Sự tích hồ Gươm” bằng sơ đồ.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC BÀI 1 GD CD 6

TỰ HÀO VỀ TRUYỀN THỐNG GIA ĐÌNH DÒNG HỌ

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV hướng dẫn học sinh làm bài tập trong bài tập trong sách giáo khoa thông qua hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập và trò chơi ...

? Hoàn thành sơ đồ tư duy bài học.

? Bài tập tình huống: GV cho học sinh thảo luận nhóm bàn

Tình huống 1:

Hoàng là con trai duy nhất trong một gia đình khá giả làm nghề buôn bán phế liệu ở thị trấn. Công việc của bố mẹ Hoàng có thu nhập cao nhưng vô cùng vất vả. Hoàng không những không giúp đỡ bố mẹ mà còn lười học. Khi được các bạn góp ý, Hoàng còn nói: “Tôi như thế này sao có thể đi thu gom phế liệu được. Sau này, tôi nhất định sẽ không làm cái nghề ấy.”

Tình huống 2:

Lan là học sinh của lớp 6A1. Ngày chủ nhật của tuần cuối tháng là ngày mà Lan yêu thích nhất. Vì khi đến ngày đó, Lan cùng gia đình tham gia những việc làm thiện nguyện đầy ý nghĩa như: tặng quà cho các cụ già neo đơn; tặng sách vở, quần áo cho trẻ em cơ nhỡ... Theo kế hoạch của gia đình trong lần tới là đi đến miền Trung để giúp đỡ những gia đình bị tổn thất nhiều trong trận bão lụt vừa qua.

Nhóm 1: Em nhận xét gì về thái độ của Hoàng? Nếu là bạn của Hoàng, em sẽ khuyên Hoàng như thế nào?

Nhóm 2: Em có suy nghĩ gì về việc làm của bạn Lan cùng gia đình?

? Bài tập: Em hãy tìm những câu ca dao, tục ngữ nói về: hiếu thảo, hiếu học, yêu nghề, yêu thương. Chọn một câu ca dao, tục ngữ ở trên mà em thích nhất và rút ra ý nghĩa của câu ca dao, tục ngữ ấy? Em đã thực hiện điều đó như

III. Luyện tập

1. Bài tập tình huống

Tình huống 1:

Em nhận xét về thái độ của Hoàng: Hoàng là một người thiếu trách nhiệm, lười biếng không biết giúp đỡ bố mẹ. Nếu là bạn của Hoàng, em sẽ khuyên Hoàng: không nên nói như vậy vì Hoàng có được cuộc sống như bây giờ cũng nhờ vào nghề buôn phế liệu của gia đình, vì thế bạn nên biết tôn trọng nghề nghiệp của gia đình mình.

Tình huống 2:

Em có suy nghĩ về việc làm của bạn Lan cùng gia đình: Đây là một việc làm hết sức có ý nghĩa. Việc làm ấy cũng phần

thế nào? - GV cho học sinh chơi trò chơi “Đôi mắt” LUẬT CHƠI: - Số người tham gia: 5 bạn - Cách thức: Các bạn đứng vòng tròn. Lần lượt đọc câu ca dao, tục ngữ, châm ngôn về truyền thống tốt đẹp. (Không được đọc lặp lại câu của người khác.) Đến lượt, bạn nào không đọc được sẽ bị loại. ? Bài tập: Em hãy xây dựng kịch bản và sắm vai xử lý tình huống sau: Tình huống: Giang sinh ra trong một gia đình có truyền thống hiếu học, có trình độ học vấn cao, vì vậy bố mẹ muốn Giang trở thành một nhà khoa học. Giang còn đang phân vân thì các bạn bảo rằng cứ làm theo ý mình chứ sao phải vì gia đình. 1. Nếu là Giang em sẽ ứng xử như thế nào với bạn bè? 2. Em sẽ làm gì để thể hiện sự tự hào về truyền thống của gia đình em? - GV cho học sinh chơi trò chơi “Sắm vai” LUẬT CHƠI: Sắm vai ở tình huống, tập làm chuyên gia để trả lời. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, hoàn thành sơ đồ bài học. - Với hoạt động nhóm: HS nghe hướng dẫn, chuẩn bị. Các thành viên trong nhóm trao đổi, thống nhất nội dung, hình thức thực hiện nhiệm vụ, cử báo cáo viên, kỹ thuật viên, chuẩn bị câu hỏi tương tác cho nhóm khác. - Với hoạt động trò chơi: HS nghe hướng dẫn, tham gia. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận GV: - Yêu cầu HS lên trình bày, tham gia hoạt động nhóm, trò	nào giúp Lan hình thành nên thói quen tốt đẹp biết yêu thương, đồng cảm sẻ chia, có tấm lòng nhân ái ...và sẽ được nhiều người yêu quý hơn. 2. Những câu ca dao, tục ngữ, châm ngôn nói về truyền thống tốt đẹp: 1. Công cha như núi Thái Sơn Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra. 2. Ăn quả nhớ kẻ trồng cây. 3. Luyện mãi thành tài, miệt mài tất giỏi. <i>Luyện mãi thành tài, miệt mài tất giỏi => Câu ca dao có nghĩa sâu sắc, nhắc nhở con người chúng ta dù có học không giỏi, không hay đến đâu nhưng chăm chỉ, miệt mài học</i>
---	---

chơi tích cực. - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần). HS: - Trình bày kết quả làm việc cá nhân, nhóm. - Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc cá nhân, nhóm của HS. - GV đưa ra các tiêu chí để đánh giá HS: + Kết quả làm việc của học sinh. + Thái độ, ý thức hợp tác nghiêm túc trong khi làm việc. Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.	<i>hành tu luyện ắc sẽ thành công.</i> 3. Bài tập: Em hãy xây dựng kịch bản và sắm vai xử lý tình huống - Nếu em là Giang em sẽ ứng xử với bạn bè: em sẽ xác định rõ ràng về ước mơ của mình và nói với các bạn hiểu về truyền thống hiếu học của gia đình để các bạn nhìn nhận vấn đề một cách rõ ràng. - Em sẽ làm để thể hiện sự tự hào về truyền thống của gia đình em: sẽ nỗ lực, cố gắng tập thật tốt để hoàn thiện bản thân mình mỗi ngày.
4. Hoạt động 4: Vận dụng a. Mục tiêu: - HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống - Hướng dẫn học sinh tìm tòi mở rộng sưu tầm thêm kiến thức liên quan đến nội	

dung bài học.

b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh làm bài tập, tìm tòi mở rộng, sưu tầm thêm kiến thức thông qua trò chơi, hoạt động dự án..





HOẠT ĐỘNG DỰ ÁN

Nhóm 1: Em hãy thu thập một số thông tin về truyền thống của gia đình Giáo sư Tôn Thất Tùng. Qua đó, em hãy cho biết các thành viên trong gia đình của Giáo sư đã làm gì để giữ gìn, phát huy truyền thống của gia đình mình?

Nhóm 2: Em hãy vẽ một bức tranh về ước mơ nghề nghiệp của em trong tương lai, tiếp nối truyền thống của gia đình, dòng họ.

❖ **Nhóm 3:** Viết một lá thư ngắn gửi người bạn thân thể hiện suy nghĩ của em về truyền thống gia đình dòng họ mình.

→ Thông qua bài viết; làm báo ảnh; làm áp phích hoặc làm video;...

→ Dán vào bảng

→ Chia sẻ cho cả lớp



c. Sản phẩm: Câu trả lời, phần dự án của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV hướng dẫn học sinh thông qua hệ thống câu hỏi trò chơi, hoạt động dự án ...

+Trò chơi “Đoán ô chữ”:

- Ô chữ thứ nhất: gồm 7 chữ cái nói về đơn vị xã hội gồm

cha mẹ, con cái đôi khi có cả ông bà.

=> **GIA ĐÌNH**

- **Ô thứ hai:** gồm 6 chữ cái có nội dung: Chỉ toàn thể nói chung những người cùng huyết thống làm thành các thế hệ nối tiếp

=> **DÒNG HỌ**

+ **Hoạt động dự án:**

❖ *Nhóm 1: Em hãy thu thập một số thông tin về truyền thống của gia đình Giáo sư Tôn Thất Tùng. Qua đó, em hãy cho biết các thành viên trong gia đình của Giáo sư đã làm gì để giữ gìn, phát huy truyền thống của gia đình mình?*

Gợi ý: Thông qua bài viết; làm báo ảnh; làm áp phích hoặc làm video;...

❖ *Nhóm 2: Em hãy vẽ một bức tranh về ước mơ nghề nghiệp của em trong tương lai, tiếp nối truyền thống của gia đình, dòng họ.*

❖ *Nhóm 3:Viết một lá thư ngắn gửi người thân thể hiện suy nghĩ của em về truyền thống gia đình dòng họ mình.*

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.

- Với hoạt động dự án: HS nghe hướng dẫn, chuẩn bị. Các thành viên trong nhóm trao đổi, thống nhất nội dung, hình thức thực hiện nhiệm vụ, cử báo cáo viên.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

GV:

- Yêu cầu HS lên trình bày, tham gia hoạt động nhóm, trò chơi tích cực.

- Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).

HS:

- Trình bày kết quả làm việc cá nhân.
- + Với hoạt động dự án: trao đổi, lắng nghe, nghiên cứu, trình bày nếu còn thời gian
- Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Yc hs nhận xét câu trả lời.
- Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.

Nhiều gia đình, dòng họ có truyền thống tốt đẹp về học tập, lao động, nghệ thuật, văn hóa, đạo đức... Truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ tạo nên bản sắc riêng, tạo động lực và góp phần định hướng cho sự phát triển nhân cách tốt đẹp của mỗi cá nhân. Mỗi người cần trân trọng, tự hào về truyền thống gia đình, dòng họ; biết giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của gia đình, bằng những việc làm thiết thực, cụ thể. Cô tin là qua bài học ngày hôm nay, sẽ có rất nhiều tấm gương là con ngoan, trò giỏi, kế thừa được những truyền thống tốt đẹp của dân tộc để trở thành bông hoa ngát hương trong vườn hoa của thành công và hạnh phúc.

TIẾNG ANH 6 FRIENDS PLUS

Tuần 3 (tiết 7,8,9)

Unit starter

(Lesson 4 : Language focus (p.11) Lesson 5 : Vocabulary (p.12) Lesson 6 : Language focus (p.13))

1. Vocabulary

1. Canada (n)

2. Egypt (n)

3. Italy (n)

4. Japan (n)

5. Morocco (n)

6. New Zealand (n)

7. Spain (n)

8. Thailand (n)

9. The Philippines (n)

10. The UK (n) = United Kingdom

11. The USA (n) = the United States of America

12. Vietnam (n)

13. International (adj): between or among nations.

14. Especially (adv): more than usual

15. Favorite (adj) (n): best liked, most enjoyed

16. Team (n): a number of people who do something together as a group

Example: a basketball team

17. to be interested in + noun/V-ing

Example: She **is interested in** playing computer games each day.

Tom **is interested in** football.

18. Email (v): to send (a message or a file) to a person-show picture

19. Message (v): information that you given to a person when you can't speak to them directly.

20. To be good at + Noun/V-ing

Eg: I am good at swimming

He is very good at English

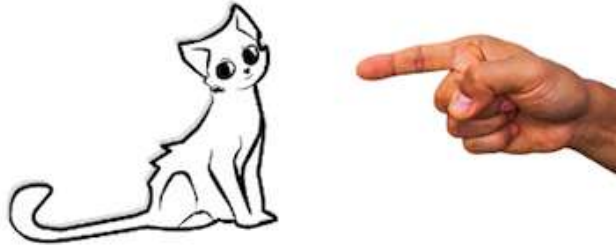
Do exercise: 1,2,3,4 p.12 (student book)

2. Grammar :

* What is the difference between **this/that** and **these/those**?

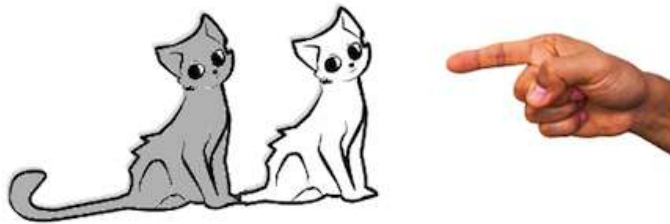
This and These: Objects That Are Close

- Use **this** to talk about a singular object (one thing) that is close to you.



Example: This **cat** is happy. (the noun 'cat' is singular, which means there is only one)

- Use **these** to talk about plural objects (more than one thing) that are close to you.



Example: These **cats** happy. (the noun 'cats' is plural; there is more than one; the noun has an 's')

That and Those: Objects That Are Far

- Use **that** to talk about a **singular** object (one thing) that is **far** from you.



Example: That **cat** is sad. (The noun is singular, and the object is not close to you; it is far away)

- Use **those** to talk about **plural** objects (more than one thing) that are **far** from you.



Ex: Those cats are sad. (the noun (cats) is plural, and they are far away)

Do exercise: 1,2 p.11 (student book)

* Have got

Have got (have/has + got) is used to talk mainly about possessions or personal attributes.



- Have got **and** have **mean the same.**

Example:

+ I've got a new computer = I have a new computer.

+ She's got a beautiful cat = She has a beautiful cat.

+ They haven't got a house = They don't have a house

+ He hasn't got a lot of friends = He doesn't have a lot of friends.

+ **Have you got a present?** = **Do you have a present?**

+ **Has Mary got a new bike?** = **Does Mary have a new bike?**

Do exercise 3,4 p.11 (student book)

* Question words

+ **Where + am/is/are + S + from?**

➔ **S + am/is/are + from + (country)**

Example:

Where are you from? ➔ I am from Vietnam.

Where is he from? ➔ He is from France.

Where are they from? ➔ They are from the USA.

+ **What + am/is/are + her/his/your/ their... + nationality/nationalities?**

➔ **S + am/is/are + (nationality)**

Example:

What are your nationality? ➔ I am Vietnamese.

What are their nationalities? ➔ They are Japanese.

What is she nationality? ➔ She is French

1. Question words with: **Where...? What...? Who...?**

+ **Where:** is used when referring to a place or location. (= I want to know the place)

Where + to be + subject?

➔ **S + be + (place)**

Example:

Where are the students? ➔ They are in the classroom.

Where is Mary? ➔ She is at home.

+ **What:** is used to refer to specific information. (= I want to know the thing)

What + to be + subject?

➔ **S + to be + (thing)**

Example:

What is your name? ➔ My name is Mary.

What is the capital of Vietnam? ➔ It is Hanoi.

+ **Who:** is only used to refer to ask a person. (= I want to know a person.)

Who + to be + subject?

→ S + to be + (person)

Example:

Who is he? → He is my older brother.

Do exercise 1,2,3 p.13 (student book)

*** Conjunctions: or/but/and.**

- Conjunctions are used to connect two sentences into one long sentence.

+ "**And**": is used to add items to a list.

Example: I am from Vietnam **and** I am a student.

+ "**Or**": is used to talk about options.

You can have the blue pen **or** the red pen.

+ "**But**": is used to show contrast.

Example:

I can speak English, **but** I am not very good at it.

- Then have students read the examples.

Do exercise 4,5 p.13 (student book)

3. Do exercise p.9,10,11 (workbook)

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
(Đối với học sinh không thể học tập trực tuyến)

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp	Khối 6: Tuần 3- Tiết 3 Bài 3: - Âm nhạc thường thức: NHẠC SĨ LƯU HỮU PHƯỚC và BÀI HÁT LÊN ĐÀNG -Lí thuyết âm nhạc: CÁC THUỘC TÍNH ÂM THANH CÓ TÍNH NHẠC

Nhạc sĩ LƯU HỮU PHƯỚC

(1921 – 1989)



Lưu Hữu Phước là một trong những nhạc sĩ thuộc thế hệ đầu tiên của nền âm nhạc Việt Nam hiện đại. Ông nổi tiếng với những bài hát tràn đầy khí thế cách mạng. Ca khúc của

ông không chỉ có giá trị nghệ thuật cao mà còn gắn với nhiều sự kiện lịch sử trọng đại của đất nước.

Nhạc sĩ Lưu Hữu Phước quê ở quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ. Ông là tác giả của nhiều bài hát hành khúc, tiêu biểu như: *Bạch Đằng giang*, *Lên đàng*, *Tiếng gọi thanh niên*, *Giải phóng miền Nam*, *Tiến về Sài Gòn*,... Ông sáng tác những bài

chính ca xuất sắc như: *Hồn tử sĩ*, *Cà ngòi Hồ Chủ tịch*,... Các bài hát cho lứa tuổi thiếu nhi của ông như: *Mùa vui*, *Reo vang bình minh*, *Thiếu nhi thế giới liên hoan*,... được phổ biến rộng rãi và được nhiều thế hệ học sinh yêu thích.

Ngoài thành công trong lĩnh vực sáng tác, nhạc sĩ Lưu Hữu Phước còn đóng góp cho các hoạt động xã hội, cho sự nghiệp giáo dục âm nhạc của nước nhà. Ông là một trong những thành viên thành lập Viện nghiên cứu Âm nhạc Việt Nam.

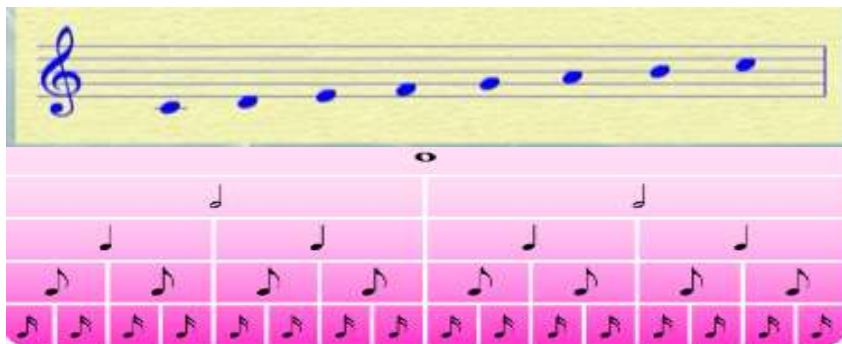
Nhạc sĩ Lưu Hữu Phước đã được Nhà nước truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học – Nghệ thuật năm 1996.

Lên đàng được nhạc sĩ Lưu Hữu Phước sáng tác năm 1944. Bài hát thuộc thể loại hành khúc, giai điệu mạnh mẽ, là lời kêu gọi, cổ vũ nhân dân xuống đường tham gia vào sự nghiệp giải phóng dân tộc. Bài hát *Lên đàng* có sức lan toả rộng rãi trong những ngày Cách mạng tháng Tám và kháng chiến chống xâm lược của nước ta.

1. Giới thiệu nhạc sĩ *Lưu Hữu Phước* và bài hát *Lên Đàng*

2. Bày hàng âm cơ bản và các thuộc tính của âm thanh

a. 7 âm cơ bản:



b. Các thuộc tính của âm thanh

– Cao độ: Độ cao thấp, trầm bổng của âm thanh.

– Trường độ: Độ ngắn dài, ngắn của âm thanh.

– Cường độ: Độ mạnh, nhẹ hoặc to, nhỏ của âm thanh.

– Âm sắc: Là các sắc thái khác nhau của âm thanh như tiếng sáo, piano, trống, kèn, tiếng hát...

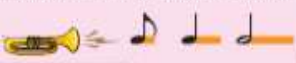
Cao độ:
Độ cao, thấp của âm thanh.



Cường độ:
Độ to, nhỏ hoặc mạnh, nhẹ của âm thanh.



Trường độ:
Độ ngắn dài, ngắn của âm thanh.



Âm sắc:
Màu sắc của âm thanh (trống, kèn, tiếng hát...)



**Hoạt
động 2:**
*Kiểm tra,
đánh giá
quá trình
tự học.*

- Hãy nêu những nét chính về lĩnh vực sáng tác đóng góp cho nền âm nhạc VN của nhạc sĩ *Lưu Hữu Phước*
- Nghe và vận động theo nhạc bài hát *Lên đàn*
- Nêu cảm nhận của em về bài hát *Lên đàn*

CHỦ ĐỀ: BIỂU CẢM CỦA MÀU SẮC

Tiết 3,4:

BÀI 2: TRANH TĨNH VẬT MÀU (Thời lượng 2 tiết)

I- Khám phá tranh tĩnh vật màu :

- Yêu cầu HS quan sát tranh, đặt câu hỏi để HS tìm hiểu, thảo luận về:



- Cách sắp xếp hình, màu của vật mẫu trong tranh: Hình, màu của các bức tranh thể hiện sự hài hòa, cân xứng về màu sắc, bố cục.
- Hòa sắc và cách diễn tả trong mỗi bức tranh có gam màu chính và màu phụ. Màu phụ bổ sung cho gam màu chính, màu phụ có tông màu hỗ trợ cho gam màu chính.

II- Cách vẽ tranh tĩnh vật màu

- Tranh tĩnh vật đem lại cho người thưởng thức những tình cảm nhẹ nhàng về thiên nhiên và cuộc sống.
- Có nhiều cách để diễn tả cảm xúc trong tranh tĩnh vật.
- Các bước vẽ tranh tĩnh vật màu :
 - + Xác định bố cục, tỉ lệ, vị trí hình các vật mẫu và vẽ phác họa.
 - + Vẽ màu khái quát tạo hòa sắc chung cho bức tranh.

+ Vẽ thêm nét, màu thể hiện cảm xúc của mẫu vật.



III- Vẽ tranh tĩnh vật màu

- Hướng dẫn HS lựa chọn vị trí quan sát để xác định ánh sáng, hình dáng, tỉ lệ, màu sắc các vật mẫu.



- HS thực hiện vẽ tranh theo ý thích.

IV-Trưng bày và chia sẻ :

HS phân tích và chia sẻ cảm nhận về:

- + Bài vẽ yêu thích.
- + Hoà sắc trong bài vẽ.
- + Cách diễn tả về bố cục, nét, hình, màu, đậm nhạt trong bài vẽ.

V- Ứng dụng với tranh tĩnh vật hoa quả :

- + Làm khung cho bức tranh để tặng người thân, bạn bè,...
- + Dùng tranh tĩnh vật để trang trí nội thất trong gia đình, góc học tập, lớp học,...

TUẦN 3: PHIẾU HỌC TẬP-MÔN CÔNG NGHỆ -KHỐI 6

Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 6

BÀI 2: - SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TRONG GIA ĐÌNH

Hoạt động 1: Tìm hiểu đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu (không cần ghi vào vở)

A-Học sinh tham khảo tài liệu : -HS đọc SGK Công nghệ 6 hoặc đọc sgk online trên

Web: hanhtrangso.nxbgd.vn -bộ sách Chân trời sáng tạo.

B-Tìm hiểu nội dung bài 2: **SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TRONG GIA ĐÌNH**

-Đọc và tìm hiểu nội dung bài 2 mục 1 sgk (trang 15-18) trả lời các câu hỏi:

1.CÁC NGUỒN NĂNG LƯỢNG THƯỜNG DÙNG TRONG NGÔI NHÀ

Hãy quan sát Hình 2.1 và cho biết những nguồn năng lượng nào được sử dụng để thực hiện các hoạt động thường ngày trong gia đình.



Hình 2. 1. Sử dụng các nguồn năng lượng thông dụng trong gia đình

Hãy kể thêm những nguồn năng lượng khác được sử dụng để thực hiện các hoạt động thường ngày trong gia đình.

2.SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM, HIỆU QUẢ

1.1. Lí do cần sử dụng tiết kiệm năng lượng

Em hãy quan sát Hình 2.2 và trả lời các câu hỏi sau

- Việc sử dụng điện vượt quá mức cần thiết có thể gây tác động như thế nào đến việc khai thác tài nguyên thiên nhiên để sản xuất điện?

- Sử dụng chất đốt để sản xuất và đun nấu gây ảnh hưởng như thế nào



Khai thác than



Khai thác dầu mỏ



Đun nấu bằng củi



Nhà máy nhiệt điện



Đun nấu bằng than

Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.

LUYỆN TẬP

- Em hãy cho biết nguồn năng lượng nào được sử dụng để duy trì hoạt động cho các đồ dùng, thiết bị sau: máy tính cầm tay, bật lửa, quạt bàn, đèn pin, bếp cồn, tủ lạnh.
- Ngoài các đồ dùng trên, em hãy kể thêm những đồ dùng sử dụng năng lượng điện và năng lượng chất đốt trong ngôi nhà.

PHIẾU TRẢ LỜI CÂU HỎI LUYỆN TẬP

CÂU HỎI	CÂU TRẢ LỜI
CÂU 1	
CÂU 2	

HS ghi nội dung bài học vào vở

Tuần 3- BÀI 2: SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TRONG GIA ĐÌNH

1.CÁC NGUỒN NĂNG LƯỢNG THƯỜNG DÙNG TRONG NGÔI NHÀ

Gồm: **năng lượng điện, năng lượng chất đốt** để thực hiện các hoạt động hằng ngày trong gia đình.

- **Điện** là nguồn cung cấp năng lượng cho nhiều loại đồ dùng điện để nấu ăn, giặt, làm mát (ủi), học tập, giải trí,...
- **Chất đốt** thường được sử dụng để nấu ăn, sưởi ấm, chiếu sáng cho ngôi nhà.

Ngoài ra, người ta còn sử dụng **năng lượng mặt trời, năng lượng gió** để chiếu sáng, phơi khô,... hoặc tạo ra điện dùng để vận hành các đồ dùng điện trong gia đình.

2.SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM, HIỆU QUẢ

2.1.Lí do cần sử dụng tiết kiệm năng lượng

Chúng ta cần sử dụng tiết kiệm năng lượng để giảm chi phí, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên đồng thời góp phần bảo vệ môi trường, bảo vệ sức khỏe cho gia đình và cho cộng đồng.

VẬN DỤNG: Học sinh làm bài vào vở

- 1.Em hãy kể những đồ dùng sử dụng năng lượng điện và năng lượng chất đốt trong ngôi nhà của gia đình em.
- 2.Vì sao các thành viên trong gia đình cần sử dụng tiết kiệm năng lượng?

Phần hướng dẫn học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Công nghệ		1. 2. 3. 4.

Tuần 3 (20/9/2021 -> 25/9/2021)

BÀI 5. ĐO KHỐI LƯỢNG

1. ĐƠN VỊ VÀ DỤNG CỤ ĐO KHỐI LƯỢNG

- Đơn vị đo khối lượng trong hệ thống đo lường chính thức của nước ta hiện nay là kilôgam (kilogram), kí hiệu là kg.

Bảng 5.1. Các ước số và bội số thập phân của đơn vị kilôgam thường gặp.

Đơn vị	Kí hiệu	Đổi ra kg
Miligam	mg	1 mg = 0,000 001 kg
Gam	g	1 g = 0,001 kg
Hectôgam (lạng)	hg	1 hg = 0,1 kg
Yến	yến	1 yến = 10 kg
Tạ	tạ	1 tạ = 100 kg
Tấn	tấn	1 tấn = 1000 kg

Một số dụng cụ đo khối lượng



Hình 5.2a. Cân Roberval

Hình 5.2b. Cân đòn



Hình 5.2c. Cân y tế

Hình 5.2d. Cân đồng hồ

2. THỰC HÀNH ĐO KHỐI LƯỢNG

Khi đo khối lượng của một vật bằng cân, ta cần thực hiện các bước sau:

Bước 1: Ước lượng khối lượng vật cần đo.

Bước 2: Chọn cân phù hợp.

Bước 3: Hiệu chỉnh cân đúng cách trước khi đo.

Bước 4: Đặt vật lên cân hoặc treo vật vào cân.

Bước 5: Đọc và ghi kết quả mỗi lần đo theo vạch chia gần nhất với đầu kim của cân.

PHIẾU HỌC TẬP

ĐO KHỐI LƯỢNG

Họ và tên:Lớp:

1. Đơn vị đo khối lượng chính thức của nước ta là:

2. Dụng cụ đo khối lượng là:

3. Cân đồng hồ

GHD:

ĐCNN:

4. Nêu tên các loại cân dưới đây và cho biết em đã sử dụng loại cân nào, dùng trong trường hợp nào?



Hình 1



Hình 2



Hình 3

1. Nêu các bước đo khối lượng bằng cân:

2. Kết quả đo khối lượng:

Hộp bút:

Chai nước:

Hòn đá:

BÀI 6: ĐO THỜI GIAN

1. ĐƠN VỊ VÀ DỤNG CỤ ĐO THỜI GIAN

- Đơn vị đo thời gian trong hệ thống đo lường chính thức của nước ta hiện nay là giây (second), kí hiệu là s.

- Quy đổi đơn vị thời gian:

1 phút = 60 giây

1 giờ = 60 phút

1 ngày = 24 giờ

-Để đo thời gian người ta dùng đồng hồ.



a) Đồng hồ đeo tay



b) Đồng hồ treo tường



c) Đồng hồ để bàn



d) Đồng hồ điện tử



e) Đồng hồ bấm giây

▲ Hình 6.1. Một số loại đồng hồ

2. THỰC HÀNH ĐO THỜI GIAN

Khi đo thời gian của một hoạt động, ta cần thực hiện các bước sau:

Bước 1: Ước lượng khoảng thời gian cần đo

Bước 2: Chọn đồng hồ phù hợp

Bước 3: Hiệu chỉnh đồng hồ đúng cách trước khi đo

Bước 4: Thực hiện đo thời gian bằng đồng hồ

Bước 5: Đọc và ghi kết quả mỗi lần đo

Sản phẩm học tập:

Phiếu học tập: Đo thời gian

1/ Đơn vị đo thời gian thường dùng ở nước ta

là:

2/ Dụng cụ đo thời gian thường dùng:

3/ Các bước đo thời gian:

Bước 1: Ước lượng cần đo.

Bước 2: Chọn phù hợp

Bước 3: Bấm thời gian xuất phát và thời gian đến

Bước 4: Nhìn và đọc kết quả đo.....

Bước 5: Đọc và ghi kết quả đo theo vạch chia với đầu kia của vật.

Em hãy ghi kết quả đo tương ứng.

$t_1 = \dots\dots\dots$

$t_2 = \dots\dots\dots$

$t_3 = \dots\dots\dots$

TIẾT 8 + 9 – BÀI 6: CHIA HẾT VÀ CHIA CÓ DƯ. TÍNH CHẤT CHIA HẾT CỦA MỘT TỔNG

1. Chia hết và chia có dư

* Kiến thức trọng tâm:

Cho $a, b \in \mathbb{N}$ ($b \neq 0$). Ta luôn tìm được đúng hai số $q, r \in \mathbb{N} : a = b \cdot q + r$ ($0 \leq r < b$) (q, r lần lượt là **thương** và **số dư** trong phép chia a cho b .)

+ Nếu $r = 0$ tức $a = b \cdot q$, ta nói a chia hết cho b , kí hiệu $a : b$ và ta có phép chia hết $a : b = q$.

+ Nếu $r \neq 0$, ta nói a không chia hết cho b , kí hiệu $a \nmid b$ và ta có phép chia có dư.

Thực hành 1: (Học sinh tự hoàn thành thực hành 1 sau đó mới xem đáp án)

a) $255 : 3 = 85$ (dư 0)

$157 : 3 = 52$ dư 1.

$5105 : 3 = 1701$ dư 2.

b) Ta có $17 = 4 \cdot 4 + 1$

Ta thấy 17 bạn vào cho 4 xe taxi sẽ dư ra 1 người.

Vậy không thể sắp xếp cho 17 bạn vào 4 xe taxi.

2. Tính chất chia hết của một tổng.

Đọc sgk và làm biểu tượng khóa 2

Tính chất 1:

Cho $a, b, n \in \mathbb{N}, n \neq 0$. Nếu $a : n$ và $b : n$ thì $(a+b) : n$.

* Nhận xét:

- *Tính chất 1* cũng đúng với một hiệu: ($a \geq b$)

Nếu $a : n$ và $b : n$ thì $(a-b) : n$.

- *Tính chất 1* có thể mở rộng cho một tổng có nhiều số hạng:

Nếu $a : n$ và $b : n, c : n$ thì $(a+b+c) : n$.

Trong một tổng, nếu mọi số hạng đều chia hết cho cùng một số thì tổng cũng chia hết cho số đó.

Đọc sgk và làm biểu tượng khóa 3

Tính chất 2:

Cho $a, b, n \in \mathbb{N}, n \neq 0$. Nếu $a \nmid n$ và $b : n$ thì $(a+b) \nmid n$.

* Nhận xét:

+ *Tính chất 2* cũng đúng với một hiệu ($a > b$)

Nếu $a \nmid n$ và $b : n$ thì $(a-b) \nmid n$.

Nếu $a : n$ và $b \nmid n$ thì $(a-b) \nmid n$.

+ *Tính chất 2* có thể mở rộng cho một tổng nhiều số hạng:

Nếu $a \nmid n, b : n, c : n$ thì $(a + b + c) \nmid n$.

Nếu trong một tổng chỉ có đúng một số hạng không chia hết cho một số, các số hạng còn lại đều chia hết cho số đó thì tổng không chia hết cho số đó.

Thực hành 2: ((Học sinh tự hoàn thành thực hành 2 sau đó mới xem đáp án)

a) + Vì $1200 : 4$ và $440 : 4$

$\Rightarrow 1200 + 440 : 4$.

+ Vì $440 : 4$ và $324 : 4$

$$\Rightarrow 440 - 324 : 4.$$

$$+ \text{ Vì } 2 \cdot 3 \cdot 4 \cdot 6 : 4 \text{ và } 27 : 4$$

$$\Rightarrow 2 \cdot 3 \cdot 4 \cdot 6 : 4.$$

$$\text{b) Có: } 13 : 5 \text{ và } 17 : 5 \text{ nhưng } 13 + 17 = 30 : 5.$$

BTVN: yêu cầu HS hoàn thành các bài tập Bài 1 + 2 + 3+4 sgk và SBT

TIẾT 10 - BÀI 7: DẤU HIỆU CHIA HẾT CHO 2, CHO 5

1. Dấu hiệu chia hết cho 2.

- học sinh trả lời yêu cầu ở móc khóa 1

Dấu hiệu chia hết cho 2:

Các số có chữ số tận cùng là 0, 2, 4, 6, 8 (tức chữ số chẵn) thì **chia hết cho 2** và chỉ những số đó mới chia hết cho 2.

Thực hành 1: (Yêu cầu học sinh tự làm phần thực hành 1 sau đó tham khảo đáp án bên dưới)

a) Các số lớn hơn 1000 và chia hết cho 2 là các số chẵn và lớn hơn 1000.

Ví dụ: 1002, 1256

b) Các số lớn hơn 100 và không chia hết cho 2 là các số lẻ và lớn hơn 1000.

Ví dụ: 103, 159

2. Dấu hiệu chia hết cho 5.

- học sinh trả lời yêu cầu ở móc khóa 2

Dấu hiệu chia hết cho 5:

Các số có chữ số tận cùng là 0 hoặc 5 thì chia hết cho 5 thì **chia hết cho 5** và chỉ những số đó mới chia hết cho 5.

Thực hành 2: : (Yêu cầu học sinh tự làm phần thực hành 2 sau đó tham khảo đáp án bên dưới)

a) Thay dấu * bởi các chữ số 0, 2, 4, 6, 8 thì $\overline{17*}$ chia hết cho 2.

b) Thay dấu * bởi các chữ số 0, 5 thì $\overline{17*}$ chia hết cho 5.

c) Thay dấu * bởi chữ số 0 thì $\overline{17*}$ chia hết cho cả 2 và 5.

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP: Làm bài tập 1,2,3,4 trong sách giáo khoa

TIẾT 11 - BÀI 8: DẤU HIỆU CHIA HẾT CHO 3, CHO 9

1. Dấu hiệu chia hết cho 9.

Yêu cầu học sinh đọc SGK và hoàn thành yêu cầu ở móc khóa 1

Dấu hiệu chia hết cho 9:

Các số có tổng các chữ số chia hết cho 9 thì **chia hết cho 9** và chỉ những số đó mới chia hết cho 9.

Thực hành 1: : (Yêu cầu học sinh tự làm phần thực hành 1 sau đó tham khảo đáp án bên dưới)

a) 245 có $2 + 4 + 5 = 11 : 9$ nên 245 $: 9$

9 087 có $9 + 0 + 8 + 7 = 24 \div 9$ nên $9\ 087 \div 9$

398 có $3 + 9 + 6 = 18 \div 9$ nên $398 \div 9$

531 có $5 + 3 + 1 = 9 \div 9$ nên $531 \div 9$

Vậy các số 398, 531 chia hết cho 9.

b) Hai số chia hết cho 9 là 936, 18

Hai số không chia hết cho 9 là 987, 192.

2. Dấu hiệu chia hết cho 3.

Yêu cầu học sinh đọc SGK và hoàn thành yêu cầu ở móc khóa 2

Dấu hiệu chia hết cho 3:

Các số có tổng các chữ số chia hết cho 3 thì chia hết cho 3 và chỉ những số đó mới chia hết cho 3.

Thực hành 2: : (Yêu cầu học sinh tự làm phần thực hành 2 sau đó tham khảo đáp án bên dưới)

Trong hai số 315 và 418 thì số 315 chia hết cho 3.

Vì số 315 có $3 + 1 + 5 = 9$ chia hết cho 3.

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP: Làm bài tập 1,2,3,4 trong sách giáo khoa

TIN HỌC 6

CHỦ ĐỀ A. MÁY TÍNH VÀ CỘNG ĐỒNG

BÀI 3. MÁY TÍNH TRONG HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN

1. Một số thiết bị số thông dụng

- Đĩa CD, ổ cứng máy tính, thẻ nhớ, điện thoại, máy ảnh, USB hay camera... đều là các thiết bị số.
- Các thiết bị số nhỏ gọn hỗ trợ con người trong hoạt động thu nhận, lưu trữ, xử lý và truyền thông tin một cách hiệu quả.

2. Máy tính thay đổi cách thức và chất lượng hoạt động thông tin của con người

- Sự hiệu quả của máy tính trong thu thập, lưu trữ, xử lý và truyền thông tin thể hiện ở nhiều khía cạnh: làm việc không mệt mỏi, tốc độ nhanh, năng lực mạnh, chất lượng cao, thuận tiện, dễ dùng...

=> Hiệu quả khi dùng máy tính trong các hoạt động thông tin đã to lớn đến mức tạo ra những thay đổi có tính cách mạng.

3. Máy tính giúp con người đạt được những thành tựu khoa học công nghệ

- Máy tính thiết kế tàu vũ trụ, tàu ngầm, tên lửa...
- Máy tính điều khiển máy bay, ô tô không người lái...
- Máy tính sáng chế ra robot, cứu nạn nhân từ vùng núi lửa, vùng có hóa chất độc hại...

=> Với khả năng tính toán rất nhanh, máy tính đã giúp con người đạt được nhiều thành tựu KH-CN.

4. Những hạn chế của máy tính hiện nay và khả năng của máy tính trong tương lai.

****Hạn chế của máy tính:***

- + Máy tính chưa biết nghĩ, chưa biết nếm và chưa biết sờ.
 - + Máy tính chưa giỏi làm việc có tính nghệ thuật.
- => Máy tính cũng có hạn chế, không phải làm được tất cả mọi việc.

****Máy tính trong tương lai:***

- + Máy tính biết vẽ tranh, viết nhạc.
- + Máy tính sáng tạo robot biết nói chuyện, dạy học...

PHIẾU HỌC TẬP

Bài 1. Cho các thiết bị số:

- 1) Điện thoại thông minh
- 2) Máy ảnh số
- 3) Máy ghi âm số
- 4) Laptop có camera và micro
- 5) Máy tính để bàn (không gắn camera và micro)

Em hãy cho biết thiết bị nào có thể:

- a) Thu nhận trực tiếp thông tin dạng âm thanh (biết nghe)
- b) Thu nhận trực tiếp thông tin dạng hình ảnh (biết nhìn)

.....

.....

.....

Bài 2. Hãy cho biết, máy tính hay con người làm tốt hơn trong mỗi việc sau:

- 1) Thu nhận thông tin văn bản, hình ảnh, âm thanh và lưu trữ dữ liệu.
- 2) Thu nhận thông tin khứu giác, vị giác, xúc giác.
- 3) Tính toán, xử lý thông tin.
- 4) Sáng tác văn học, nghệ thuật.
- 5) Trao đổi thông tin văn bản, hình ảnh, âm thanh.

.....

.....

.....

GIÁO DỤC THỂ CHẤT
NỘI DUNG BÀI HỌC TUẦN 3

KHỐI 6:

BÀI 1: CÁC ĐỘNG TÁC BỔ TRỢ KỸ THUẬT CHẠY CỰ LI NGẮN

- Luyện tập chạy bước nhỏ 30 giây x 3 lần
- Chạy nâng cao đùi 30 giây x 3 lần
- Chạy gót chạm mông 30 giây x 3 lần
- Nhảy dây 3 phút x 3 lần